

Số: /TCBC-STP

Cần Thơ, ngày tháng 01 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 12 năm 2025

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 12 năm 2025, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 61 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

1. Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ, trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

3. Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

4. Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Cần Thơ.

5. Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030.

6. Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ.

7. Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

8. Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

9. Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

10. Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ.

11. Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

12. Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao do thành phố Cần Thơ tổ chức.

13. Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn và thi đấu.

14. Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ nhuận bút đối với các sản phẩm truyền thông của Đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

15. Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

16. Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người nhận trợ cấp hưu trí xã hội áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

17. Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

18. Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

19. Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

20. Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

21. Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

22. Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

23. Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

24. Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

25. Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

26. Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

27. Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp thành phố và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

28. Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

29. Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

30. Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

31. Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

32. Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

33. Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

34. Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

35. Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

36. Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích khi tham gia thi đấu tại các giải thể thao; mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia.

37. Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định chính sách hỗ trợ mức quà tặng, chi phí hỗ trợ tham quan, điều dưỡng tập trung cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và mức quà tặng đối với một số đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026 - 2030.

38. Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ người dạy tiếng và chữ

Khmer; tiếng và chữ Hoa trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 – 2030.

Các Quyết định của Ủy ban nhân dân:

1. Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

3. Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

4. Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

5. Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

6. Quyết định số 49/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

7. Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

8. Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

9. Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về điều kiện, tiêu chí quy mô, tỷ lệ diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý để tách thành dự án độc lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

10. Quyết định số 53/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá,

kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

11. Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biên trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026 - 2030.

12. Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

13. Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

14. Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

15. Quyết định số 58/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

16. Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024).

17. Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

18. Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030.

19. Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

20. Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

21. Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức số lượng học sinh/lớp đối với những trường hợp đặc biệt trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

22. Quyết định số 65/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

23. Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trên cơ sở thông tin do các cơ quan, đơn vị cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 61 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong tháng 12 năm 2025 như sau:

1. Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 3 Điều 2 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, quy định:

“Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương bảo đảm phù hợp với từng cấp chính quyền địa phương,

phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước để làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách ở địa phương.”

Căn cứ điểm g khoản 9 Điều 31 và điểm b khoản 12 Điều 32 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, quy định:

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: “g) *Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương.*”

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp: “b) *Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 31 của Luật này.*”

Tại kỳ họp 10 của Quốc hội, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho chủ trương kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách sang năm 2026.

+ Cơ sở thực tiễn:

Qua 04 năm (2022 - 2025) triển khai thực hiện định mức phân bổ chi thường xuyên theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố Cần Thơ (cũ) ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên địa phương năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND thành phố Cần Thơ); Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng (trước sắp xếp) ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2022 - 2025, và Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Hậu Giang quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025 thì định mức phân bổ giai đoạn 2022 - 2025 thể hiện những ưu điểm như sau:

Hệ thống định mức, nguyên tắc phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025 là căn cứ quan trọng, chủ yếu để xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2022 và các năm giai đoạn 2022 - 2025; là căn cứ quan trọng để xác định tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối giữa các cấp cấp ngân sách ở địa phương.

Định mức, nguyên tắc phân bổ chi thường xuyên theo giai đoạn 2022 - 2025 căn bản đảm bảo nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Nhà nước ban hành và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ ổn định, phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong giai đoạn 2022 - 2025.

Định mức phân bổ chi thường xuyên góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; tạo điều kiện cho các địa phương, các cấp ngân sách, các đơn vị sử dụng ngân sách chủ động xây dựng dự toán, thực hiện dự toán, thanh quyết toán kinh phí ngân sách của mình;

khuyến khích các cấp ngân sách địa phương, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng hiệu quả ngân sách.

Hệ thống tiêu chí phân bổ là tương đối phù hợp, cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ thực hiện, trong đó tiêu chí cơ bản là phân bổ theo dân số.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, như sau

Định mức phân bổ ngân sách cơ bản đáp ứng nhu cầu chi của các địa phương, đơn vị trong năm đầu của chu kỳ ngân sách, trong những năm tiếp theo định mức không được điều chỉnh nên một số đơn vị gặp khó khăn trong hoạt động, đặc biệt là trong những năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của yếu tố trượt giá, nhu cầu chi phát sinh tăng theo tốc độ phát triển kinh tế xã hội ngày càng cao. Hàng năm đều phát sinh thêm các khoản bổ sung ngoài định mức phân bổ cho các sự nghiệp và bổ sung thêm cho các nhiệm vụ đặc thù phát sinh.

Hệ thống định mức làm cơ sở phân bổ dự toán cho các địa phương, đơn vị. Tuy nhiên khi thực hiện dự toán các đơn vị phải tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và tiết kiệm thêm các nội dung chi theo sự chỉ đạo điều hành trong năm của Bộ Tài chính. Từ đó làm ảnh hưởng đến dự toán chi của các đơn vị, khó khăn cho các đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của các địa phương trước sắp xếp căn bản là khác nhau, cần thiết phải thống nhất tiêu chí, định mức phân bổ.

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng, nhà nước về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, chuyển giao các nhiệm vụ về cấp xã, phường – cấp cơ sở để tổ chức thực hiện, theo đó các định mức phân bổ khối xã không còn phù hợp với nhu cầu.

Do đó cần phải ban Nghị quyết mới nhằm:

Thống nhất nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên cho toàn thành phố Cần Thơ, tạo cơ sở pháp lý thống nhất phục vụ công tác lập, giao và phân bổ dự toán ngân sách năm 2026.

Đảm bảo tính công khai, minh bạch, bình đẳng và phù hợp với năng lực tài chính - ngân sách của thành phố;

Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước, tiết kiệm, chống dàn trải, phù hợp với chủ trương đổi mới quản lý tài chính công và các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

Từ các căn cứ nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 của thành phố Cần Thơ là yêu cầu cần thiết, cấp bách và phù hợp với quy định pháp luật cũng như thực tiễn quản lý tài chính - ngân sách

của thành phố sau sáp nhập.

- Mục đích ban hành:

Cụ thể hóa các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành; đảm bảo thống nhất trong việc xác định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của thành phố Cần Thơ năm ngân sách 2026.

Làm căn cứ pháp lý cho việc lập, phân bổ, giao và quản lý dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm; bảo đảm việc phân bổ ngân sách được thực hiện công khai, minh bạch, công bằng và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, tiết kiệm, gắn với yêu cầu cải cách tiền lương, tinh giản biên chế, mở rộng quyền tự chủ tài chính của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập và đổi mới quản lý tài chính công trên địa bàn thành phố.

Thay thế các Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách đã ban hành trước đây của ba địa phương (Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang), bảo đảm sự thống nhất trong quản lý, điều hành ngân sách sau sáp nhập.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương
- + Điều 3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ, trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công:

“Điều 5. Điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trên cơ sở báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn”.

+ Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 thành phố Cần Thơ; Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công thành phố Cần Thơ năm 2026.

Đến ngày 31 tháng 7 năm 2025, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách được cho vay từ nguồn vốn ngân sách thành phố đạt 1.771 tỷ đồng, tăng 279 tỷ đồng (tăng 18,7%) so với năm 2024, với 39.438 khách hàng còn dư nợ, cụ thể như sau:

(1) Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: Dư nợ đạt 1.262,072 tỷ đồng, với 28.534 khách hàng còn dư nợ.

(2) Cho vay người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo Hợp đồng: Dư nợ đạt 90,22 tỷ đồng, với 1.494 khách hàng còn dư nợ.

(3) Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường: Dư nợ đạt 129,35 tỷ đồng, với 6.461 khách hàng còn dư nợ.

(4) Cho vay nhà ở xã hội: Dư nợ đạt 116,296 tỷ đồng, với 205 khách hàng còn dư nợ.

(5) Cho vay học sinh, sinh viên đi du học: Dư nợ đạt 18,279 tỷ đồng, với 204 khách hàng còn dư nợ.

(6) Cho vay người có công với cách mạng: Dư nợ đạt 126,142 tỷ đồng, với 1.828 khách hàng còn dư nợ.

(7) Cho vay người chấp hành xong án phạt tù: Dư nợ đạt 13,385 tỷ đồng, với 186 khách hàng còn dư nợ.

(8) Cho vay vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Dư nợ đạt 8,041 tỷ đồng, với 210 khách hàng còn dư nợ.

(9) Cho vay hộ nghèo: Dư nợ đạt 6,925 tỷ đồng, với 306 khách hàng còn dư nợ.

(10) Cho vay hộ cận nghèo: Dư nợ đạt 0,169 tỷ đồng, với 4 khách hàng còn dư nợ.

(11) Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn: Dư nợ đạt 0,07 tỷ đồng, với 2 khách hàng còn dư nợ.

(12) Cho vay người sau cai nghiện ma túy: Dư nợ đạt 0,051 tỷ đồng, với 4 khách hàng còn dư nợ.

Nguồn vốn ngân sách thành phố đã giúp tạo việc làm cho 5.564 lao động; giúp cho 18 học sinh, sinh viên mới có vốn để trang trải chi phí học tập ở nước ngoài; giúp cho 5 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo có vốn để sản xuất kinh doanh; 1.087 hộ xây dựng và cải tạo 2.174 công trình nước sạch và vệ sinh; 77 người chấp hành xong án phạt tù có vốn để sản xuất kinh doanh, tái hòa nhập cộng đồng; 50 khách hàng có vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở, 570 lao động có vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, 21 khách hàng là dân tộc thiểu số và 162 người có công với cách mạng có vốn để sản xuất kinh doanh,... Qua đó, đã góp phần tích cực trong công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, đô thị văn minh,... trên địa bàn thành phố.

Sau hợp nhất 03 tỉnh, thành phố (Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng), các văn bản của Trung ương quy định và các Nghị quyết Hội đồng nhân dân của 03 địa phương đã ban hành trước khi sáp nhập, còn hiệu lực áp dụng (theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước). Đối với quy định việc ủy thác vốn qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi, hiện nay Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ đang tiếp tục thực hiện các chương trình cho vay theo các quy định, cụ thể như sau:

(1) Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và Cho vay ưu đãi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình: Theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

(2) Cho vay người chấp hành xong án phạt tù theo quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

(3) Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số để phát triển sản xuất, kinh doanh: Theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

(4) Cho vay nhà ở xã hội: Theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

(5) Cho vay tín dụng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

(6) Cho vay người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo Hợp đồng: Theo các Nghị quyết Hội đồng nhân dân của 03 tỉnh, thành trước sáp nhập, cụ thể như sau:

Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chính sách hỗ trợ vốn vay đối với người lao động tỉnh Sóc Trăng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và học sinh, sinh viên tham gia chương trình du học sinh vừa học, vừa làm từ ngân sách tỉnh;

Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

(7) Cho vay hỗ trợ sản xuất đối với hộ gia đình người có công với cách mạng: Theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định đối tượng cho vay vốn hỗ trợ sản xuất từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang bổ sung Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu

Giang quy định đối tượng cho vay vốn hỗ trợ sản xuất từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

(8) Cho vay học sinh, sinh viên tham gia chương trình du học sinh: Theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chính sách hỗ trợ vốn vay đối với người lao động tỉnh Sóc Trăng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và học sinh, sinh viên tham gia chương trình du học sinh vừa học, vừa làm.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết, đúng quy định.

- Mục đích ban hành:

Là cơ sở pháp lý để bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ trên địa bàn thành phố.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều, cụ thể:

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

+ Điều 2. Tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ

+ Điều 3. Tổ chức thực hiện

+ Điều 4. Hiệu lực thi hành.

3. Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Tại khoản 3 Điều 9, điểm d, điểm đ khoản 9 Điều 31, Điều 41 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

“3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và khả năng quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.”

“d) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và Điều 41 của Luật này;

đ) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã;”

“Điều 41. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã

Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương.”

Đồng thời tại khoản 1, khoản 4 Điều 77 và Điều 78 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 có quy định:

“1. Luật này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

4. Quy định về phân chia khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại Luật này được thực hiện từ dự toán ngân sách năm 2026.”

“Điều 78. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với quyết toán ngân sách năm 2024 và quy trình, yêu cầu lập dự toán ngân sách năm 2026 áp dụng theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15.”

Đồng thời, tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15) quy định *“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập*

thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

Theo đó, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp sau sắp xếp đơn vị hành chính.

+ Cơ sở thực tiễn

Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND được xây dựng trên nền tảng quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và điểm b khoản 3 Điều 77 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, trong đó ngân sách địa phương được hưởng 100% nguồn thu từ tiền sử dụng đất và tiền thuê đất. Đồng thời, Nghị quyết tiếp tục duy trì cách thức phân cấp các khoản thu 100% cũng như các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách như đã được áp dụng tại 03 địa bàn Cần Thơ, Hậu Giang và Sóc Trăng trước khi sắp xếp.

Tuy nhiên, do sự khác biệt đáng kể trong cách phân cấp nguồn thu của ba địa phương, Nghị quyết đã quy định việc phân định theo từng địa bàn trước sắp xếp, kèm theo 06 phụ lục chi tiết, nhằm bảo đảm ổn định nguồn thu ngân sách cấp xã và đáp ứng yêu cầu quản lý trong giai đoạn chuyển tiếp. Cách thức này được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Bộ Tài chính, góp phần duy trì sự ổn định ngân sách ở cấp cơ sở ngay sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Mặc dù vậy, từ năm ngân sách 2026, trường hợp tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND sẽ phát sinh một số vướng mắc. Cụ thể, nguồn thu từ tiền sử dụng đất và tiền thuê đất sẽ được phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, không còn để lại hoàn toàn cho địa phương như hiện hành. Bên cạnh đó, việc duy trì cách phân cấp theo ba địa bàn trước sắp xếp trở nên phức tạp khi thành phố Cần Thơ sau sáp nhập có đến 103 xã, phường. Điều này gây khó khăn cho công tác lập và thực hiện dự toán, không đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và thuận lợi trong triển khai.

Từ các cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và phù hợp với

quy định của pháp luật hiện hành để áp dụng từ năm ngân sách 2026 thay thế Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Mục đích ban hành:

Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Tạo cơ sở pháp lý để giao và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách cho chính quyền địa phương hai cấp một cách thông suốt, đồng bộ giữa quyền hạn và trách nhiệm.

Bảo đảm tính chủ động cho các cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý, điều hành ngân sách; khai thác hiệu quả các nguồn thu và sử dụng ngân sách tiết kiệm, công khai, minh bạch và hiệu quả.

Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng và an ninh trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong giai đoạn mới.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã
- + Điều 3. Phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

4. Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Chủ trương, đường lối của Đảng bộ thành phố: Văn kiện Đại hội Đảng bộ UBND thành phố nhiệm kỳ 2025 – 2030 đề ra phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển”, phấn đấu đến năm 2030 Cần Thơ trở thành cực tăng trưởng quốc gia, trung tâm thương mại - dịch vụ, logistics, công nghiệp công nghệ cao, giáo dục - đào tạo, y tế chuyên sâu của vùng.

Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố:

Theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, mục tiêu phát triển của Thành phố Cần Thơ là một cực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia; thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa xứ Tây Đô; là trung tâm đô thị, trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu kết nối nội vùng, liên vùng và liên vận quốc tế. Đến năm 2050, Cần Thơ thuộc nhóm các thành phố phát triển khá ở Châu Á, trở thành thành phố thông minh đáng sống của Việt Nam.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương

Điều d khoản 1 Điều 15, quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển các lĩnh vực tài chính, đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đất đai, tài nguyên, môi trường, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, giáo dục, y tế, hành chính tư pháp, nội vụ, lao động, xã hội, văn hóa, thông tin, du lịch, thể dục thể thao của địa phương theo quy định của pháp luật”;

Điều a khoản 2 Điều 15, quy định Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương “Quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn theo quy định của pháp luật”;

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

Khoản 1 Điều 21 được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;

Thực hiện thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Luật Ngân sách Nhà nước:

Khoản 1 Điều 8, quy định nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước: “Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp”.

Khoản 3 Điều 9, quy định “... Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và khả năng quản lý của mỗi cấp trên địa bàn”.

Điểm g khoản 9 Điều 31, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương”.

Điều 41, quy định “...Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương”.

Luật Đầu tư công:

Điều 51, quy định một số nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm: “Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.”.

Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Khoản 2 Điều 3 quy định nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030: “Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển;

tăng cường phân cấp, phân quyền, rà soát cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương, xóa bỏ quan liêu bao cấp, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”.

+ Cơ sở thực tiễn

Trong giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn thành phố đã triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ, Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10/03/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, tỉnh Sóc Trăng.

Việc triển khai thực hiện áp dụng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ đã định hướng cho việc triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và hằng năm của thành phố, góp phần thực hiện đồng bộ các mục tiêu, định hướng phát triển của thành phố theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Ủy ban nhân dân thành phố; Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Góp phần quan trọng, tác động và thúc đẩy, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trên địa bàn, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Năm 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của thành phố Cần Thơ đạt 7,12%, Đến năm 2025, thành phố Cần Thơ đặt mục tiêu tăng trưởng GRDP trên 10%.

Một số dự án lớn có tác động lan tỏa như Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (giai đoạn 1 - thành phần 2, 3, 4); Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3); Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C); Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7), thành phố Cần Thơ; Dự án Tuyến đường trực phát triển kinh tế Đông Tây tỉnh Sóc Trăng; Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối tuyến Quản lộ Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng; Đường Vành Đai I; Vành Đai II; Đường tỉnh 932, 932B, 933, 933B, 934, 936, 938, 939, 940;... tạo điều kiện thuận lợi trong vận chuyển, phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, việc làm, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng lao động, thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước tham gia phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu và tầm nhìn quy hoạch phát triển của thành phố Cần Thơ trong giai đoạn mới, nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tối ưu hóa nguồn lực nhà nước, tạo cơ sở pháp lý và khung pháp lý giúp các cơ quan, đơn vị có căn cứ để thực hiện cho hoạt động đầu tư công trên địa bàn thành phố trong giai đoạn 2026-2030 theo quy định của Luật Đầu tư công và các bản hướng dẫn thì việc xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Cần Thơ là cần thiết và phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Mục đích ban hành

Mục đích chính của việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 – 2030, thành phố Cần Thơ là để cụ thể hóa các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan, cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác lập kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương của thành phố Cần Thơ, đảm bảo việc phân bổ vốn đúng mục tiêu, công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Cần Thơ gồm 03 chương, 08 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 – 2030
- + Điều 4. Định mức chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030
- + Điều 5: Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho các xã, phường trong giai đoạn 2026 - 2030.
- + Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bổ sung có mục tiêu cho xã, phường giai đoạn 2026 - 2030
- + Điều 7. Tổ chức thực hiện
- + Điều 8. Hiệu lực thi hành.

5. Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đã xác định: *“Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp, có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp...”*;

Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định mục tiêu xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trở thành một trong những trung tâm về khoa học công nghệ, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Tập trung nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ mới, nhất là công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ chế chính đặc thù, phù hợp...;

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, đã xác định: *“Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân; Có chính sách hỗ trợ chi phí đầu tư mua sắm máy móc, đổi mới công nghệ...”*;

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 nêu rõ: *“Tập trung thúc đẩy việc chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến cùng với nâng cao năng lực hấp thụ và đổi mới công nghệ, năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ và kỹ năng nguồn nhân lực, triển khai chuyển đổi số, đổi mới quy trình sản xuất và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp*

phù hợp với quá trình đổi mới công nghệ”, “Rà soát, sửa đổi đồng bộ giữa các quy định của pháp luật về thuế, tài chính, tín dụng và quy định pháp luật về khoa học và công nghệ để triển khai có hiệu quả các cơ chế ưu đãi đối với doanh nghiệp cho đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, ...”;

Thời gian qua, Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đặc biệt quan tâm đến công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố thông qua việc ban hành và triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, thiết bị, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chủ động tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định *“2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”;*

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Chuyển giao công nghệ, quy định: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *“1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại địa phương.”;*

Tại điểm e khoản 2 Điều 6, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quy định:

“2. Để cụ thể hóa các định hướng chiến lược quy định tại khoản 1 Điều này, Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây:

.....

e) Tăng cường hỗ trợ nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; thúc đẩy phát triển công nghệ, chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, làm chủ và sáng tạo công nghệ;”;

Tại điểm d khoản 3 Điều 34, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quy định:

“3. Nhà nước khuyến khích và thúc đẩy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo thông qua biện pháp sau đây:

.....

d) Có chính sách ưu đãi về tài chính, thuế, đất đai, đấu thầu và tín dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.”.

Tại khoản 1 Điều 35, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quy định:

“1. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động này.”.

Tại khoản 1 Điều 12 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy định: *“Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ..., bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp”*,

Tại điểm a khoản 4 mục II Điều 1 Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030, quy định cụ thể nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

“a) Tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.”.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 06/2021/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2021 hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030, hướng dẫn chuyên môn, trình tự thủ tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

+ Cơ sở thực tiễn

Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011, đặt mục tiêu hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ tăng trung bình 10%/năm đến năm 2015 và tăng trung bình 15%/năm, trong đó có 5% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020; trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 03/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2012 hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020; Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư liên tịch số 79/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn quản lý tài chính Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành: Chương trình Đổi mới công nghệ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Cần Thơ giai đoạn 2013 - 2017 tại Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 20 năm 12 năm 2013; Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, thiết bị giai đoạn 2018 - 2020 tại Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2017 và Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, thiết bị thành phố Cần Thơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị thời gian qua

trên địa bàn thành phố Cần Thơ ngày càng đi vào thực tiễn, có tác động khuyến khích các doanh nghiệp triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp nói chung và hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ nói riêng. Thành phố đã không ngừng tìm các giải pháp, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các công nghệ sản xuất hiện đại, tiếp cận các chính sách hỗ trợ để thực hiện đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp. Kết quả triển khai thực hiện chính sách từ năm 2013 đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện hỗ trợ hơn 35 lượt doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chế tạo thiết bị công nghệ, đầu tư công nghệ tiên tiến, công nghệ cao với tổng số kinh phí hỗ trợ là 10,3 tỷ đồng từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố, kinh phí đối ứng của doanh nghiệp hơn 36,2 tỷ đồng.

Tiếp nối Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 06/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 6 năm 2021 hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

Tuy nhiên, đến nay Bộ Tài chính chưa ban hành Thông tư quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình, dẫn tới nhiều vướng mắc, bất cập trong việc triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, thiết bị của địa phương như: chưa có cơ sở xác định nội dung chi và định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

Qua trao đổi, tham vấn một số tỉnh, thành phố để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong cơ chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ.

Các chính sách trên đều thực hiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp đổi mới, mua công nghệ, thiết bị với mức hỗ trợ tối đa 30% trên tổng kinh phí thực hiện (phần còn lại do doanh nghiệp đối ứng). Hình thức hỗ trợ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Từ các cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, để triển khai đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ trong doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ thì việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030 là rất cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030 nhằm thúc đẩy, khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, hợp tác xã đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, phù hợp với quy định hiện hành, đảm bảo tính pháp lý và tình hình thực tiễn của địa phương;

Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã. Việc đổi mới công nghệ, thiết bị giúp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ mới, tiếp cận khoa học công nghệ và mang lại hiệu quả, giúp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã định hướng và phát triển, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030, gồm 12 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Loại hình công nghệ được hỗ trợ
- + Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ
- + Điều 4. Hình thức hỗ trợ
- + Điều 5. Mức hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ
- + Điều 6. Thủ tục xét hỗ trợ
- + Điều 7. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu, thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
- + Điều 8. Quản trị rủi ro trong thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
- + Điều 9. Kinh phí thực hiện chính sách
- + Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp
- + Điều 11. Tổ chức thực hiện
- + Điều 12. Hiệu lực thi hành.

6. Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí

Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Cơ sở thực tiễn

Tại khoản 1 Điều 22 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: "1. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền", khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định: "2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Tại điểm o khoản 2 Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo quy định:

"o) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Nghiên cứu, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đẩy mạnh chính sách thu phí "0 đồng" đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến thuộc phạm vi giải quyết của địa phương, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025."

Tại khoản 2 Công văn số 12674/BTC-CST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc thu phí, lệ phí trực tuyến, Bộ Tài chính đã có ý kiến:

"2. Đối với phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Căn cứ quy định của Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể hình thức nộp, kỳ kê khai, nộp phí, lệ phí thuộc thẩm quyền cho phù hợp.

...

Ngoài ra, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hướng dẫn cụ thể hình thức nộp, kỳ kê khai, nộp phí, lệ phí (trong đó bao gồm cả quy trình thu phí, lệ phí trực tuyến) thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh."

Hiện nay, thành phố Cần Thơ đang thực hiện thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố theo các văn bản quy phạm pháp luật sau:

Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức thu, miễn, giảm các khoản phí, lệ phí.

Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức thu, miễn, giảm các khoản phí, lệ phí.

Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức thu, miễn, giảm các khoản phí, lệ phí.

Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định miễn, giảm một số khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) về việc quy định các khoản thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ) về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ) về việc quy định mức thu một số loại phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Như vậy, trên địa bàn thành phố Cần Thơ đang áp dụng thực hiện thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố theo 7 văn bản quy phạm pháp luật được nêu trên, trong đó, mức thu phí, lệ phí khác nhau theo từng địa bàn trước sáp nhập và chưa được đồng nhất, dẫn đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí gặp khó khăn trong việc triển khai áp dụng thực hiện. Đồng thời, mặc dù các văn bản nêu trên có quy định mức thu đối với hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến thấp hơn mức thu đối với hình thức cung cấp dịch vụ công trực tiếp nhưng chưa quy định "*mức thu 0 đồng*" theo Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, một số mức thu phí, lệ phí được ban hành từ năm 2017 đến nay đã không còn phù hợp với tình hình thực tế.

Từ những cơ sở nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết nghị thông qua Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho các tổ chức, cá nhân liên quan áp dụng thực hiện việc thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ được thống nhất, phù hợp với quy định hiện hành. Trong đó, quy định cụ thể mức thu đối với hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bao gồm “mức thu phí 0 đồng”.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, gồm 07 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Miễn phí, lệ phí

+ Điều 3. Mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu phí

+ Điều 4. Kê khai, thu, nộp phí, lệ phí

+ Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

+ Điều 6. Tổ chức thực hiện

+ Điều 7. Hiệu lực thi hành.

7. Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Tại điểm a và b khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định: “1. Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: a) Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã).”.

Tại khoản 19 Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội quy định:

“19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”

2. Các cơ quan theo thẩm quyền khẩn trương thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết, bảo đảm để chính quyền địa phương ở các tỉnh, thành phố hình thành sau sắp xếp quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.”.

Tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội

đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

Tại điểm a và c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định Hội đồng nhân dân thành phố ban hành nghị quyết để quy định:

“a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”.

Tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.*

Tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật.”.*

Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước: *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”.*

+ Cơ sở thực tiễn

Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025, việc thực hiện mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ được áp dụng theo Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ). Tuy nhiên, một số nội dung, mức chi

quy định tại Nghị quyết này không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay (*cụ thể như: mức chi đối với cấp quận, huyện và thị trấn, ...*); một số định mức chi hiện nay chưa phù hợp với quy định hiện hành (*cụ thể như: chế độ tiền ăn, giải khát, ...*); khó khăn trong việc xác định đối tượng, phạm vi áp dụng; chế độ chi giữa các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trước và sau sáp nhập không nhất quán; chưa đảm bảo đầy đủ chế độ để đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hiện nay.

Từ các cơ sở nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết nghị thông qua Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ để thay thế Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố là cần thiết, phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tiễn hiện nay, nhằm đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân trong quá trình tổ chức, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Mục đích ban hành

Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất giữa quy định của địa phương đối với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành.

Khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, đảm bảo điều kiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân hiện nay.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ gồm 06 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Nguyên tắc chung
- + Điều 3. Chế độ, mức chi phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp
- + Điều 4. Kinh phí thực hiện
- + Điều 5. Tổ chức thực hiện
- + Điều 6. Hiệu lực thi hành.

8. Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ

trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 83/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2030;

Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định:

1. Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 3 Thông tư này: Căn cứ mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này và mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách trung ương bổ sung, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban bầu cử cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc quyết định (trong trường hợp được Hội đồng nhân dân giao) mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương.

2. Đối với các nhiệm vụ chi có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã quy định: Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể tại địa phương.

Theo quy định nêu trên, đối với các nội dung chi và mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4 của Thông tư số 87/2025/TT-BTC, Bộ trưởng Bộ Tài chính phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội

khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố. Trường hợp được Hội đồng nhân dân thành phố giao, thì Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức chi (phải trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp để giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thành phố quyết định). Tuy nhiên, đối với các nhiệm vụ chi có tính đặc thù của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố vẫn phải trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định (không giao cho Ủy ban nhân dân thành phố quyết định).

+ Cơ sở thực tiễn:

Năm 2021, thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ), Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử.

Qua nghiên cứu quy định và trên cơ sở thực tiễn đã thực hiện trong thời gian qua. Hiện nay, để đảm bảo thực hiện Thông tư số 87/2025/TT-BTC theo một quy trình thống nhất (bao gồm ban hành các nội dung chi theo quy định và nội dung chi có tính chất đặc thù của địa phương), việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết, phù hợp với thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Mục đích ban hành:

Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2025; Luật ngân sách nhà nước, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Phân cấp của Bộ Tài chính cho Ủy ban nhân dân thành phố.

Cụ thể hóa mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 -2031 theo quy định tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 08 năm 2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Làm căn cứ để thực hiện lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Cần Thơ gồm 06 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3: Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ
- + Điều 4. Nguồn kinh phí
- + Điều 5. Tổ chức thực hiện
- + Điều 6. Hiệu lực thi hành.

9. Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 69/2021/TT-BTC):

Khoản 13 Điều 8 quy định: “Căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò thực tế của từng chức danh quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương”;

Khoản 4 Điều 9 quy định: “Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương”.

+ Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, Hội đồng nhân dân thành phố đã lựa chọn áp dụng chung Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân

dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Các Nghị quyết trên trong thời gian qua đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất rõ ràng và minh bạch thuận lợi cho việc lập dự toán, quyết toán kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức và cá nhân được giao thực hiện; đảm bảo kinh phí phục vụ cho công tác nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục và đào tạo trong thời gian tới. Tuy nhiên, nội dung mức chi này chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp như hiện nay nên cần rà soát, ban hành nghị quyết mới.

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”, đồng thời căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

Từ các cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Quy định thống nhất mức tiền công cụ thể cho từng chức danh thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ; tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động lập dự toán, quyết toán kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức và cá nhân được giao thực hiện; đảm bảo kinh phí phục vụ cho công tác nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục và đào tạo trong thời gian tới.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Nội dung chi, mức chi
- + Điều 3. Kinh phí thực hiện
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

10. Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Tại điểm b Khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15) quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban

nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”

Sau khi sáp nhập 03 địa phương, Sở Tư pháp đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 bãi bỏ các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính. Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 tháng 2025, đã chọn Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ) để tiếp tục áp dụng.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, quy định: *“Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”*.

+ Cơ sở thực tiễn

Việc ban hành Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ là hết sức cần thiết và cấp bách với các lý do sau: Phù hợp quy định mới tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC; thay thế quy định cũ, không còn phù hợp thực tiễn, gây khó khăn trong áp dụng; khắc phục những bất cập thực tế như định mức thấp, thiếu thống nhất sau sáp nhập, ảnh hưởng quyền lợi công chức; đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả chi tiêu ngân sách thành phố.

Từ những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ là rất cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất trong hệ thống pháp luật và góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong điều kiện mới sau sáp nhập.

- Mục đích ban hành:

Xây dựng Nghị quyết quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ nhằm phù hợp với quy định và tình hình thực tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi,

hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Mức chi
- + Điều 3. Tổ chức thực hiện
- + Điều 4. Hiệu lực thi hành.

11. Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức thu học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”;

Căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, quy định: “Cơ sở giáo dục mầm non công lập được thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: dịch vụ bán trú, dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ, dịch vụ đưa đón trẻ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng danh mục dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định khung giá và mức giá dịch vụ cụ thể trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, làm cơ sở triển khai thực hiện”;

Căn cứ khoản 2 Điều 18 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập, quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục; có cơ chế, chính sách khuyến khích, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tại địa phương phối hợp với các cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật”;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, quy định: “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

- Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, việc thực hiện mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ sau hợp nhất 03 tỉnh, thành phố (Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng) đang đồng thời áp dụng 02 Nghị quyết còn hiệu lực thi hành, bao gồm: Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập;

Các Nghị quyết trên ban hành trong thời gian qua đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất, rõ ràng và minh bạch cho các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện thu, chi và sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ người học; đáp ứng nhu cầu thực tiễn của người học và nhà trường, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và các dịch vụ hỗ trợ học tập; bảo đảm tính công bằng, công khai, thuận lợi cho công tác quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng. Việc thực hiện Nghị quyết còn góp phần ổn định và phát triển hệ thống giáo dục trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông mới và các nhiệm vụ trọng tâm của ngành;

Tuy nhiên, tỉnh Sóc Trăng (cũ) chưa ban hành Nghị quyết về dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động ngoài học phí. Sự khác biệt này tạo ra sự không đồng đều trong việc quản lý thu, chi các khoản thu ngoài học phí tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố. Do đó, cần sớm ban hành Nghị quyết quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ để việc thực hiện các khoản thu, chi được thống nhất, phù hợp với tình hình thực tiễn;

Từ các cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo

dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Tạo cơ sở pháp lý thống nhất để quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí tại các cơ sở giáo dục công lập, từ đó tránh lạm thu, gây bức xúc trong xã hội và đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình thu, chi góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội và giảm bớt gánh nặng cho phụ huynh do các khoản thu không rõ ràng hoặc bị lạm dụng.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Các khoản thu, mức thu
- + Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

12. Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao do thành phố Cần Thơ tổ chức

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “*Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định:

“*Điều 50. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn*

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây: ...

b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn”;

c) Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, quy định:

“Điều 11. Rà soát, xử lý văn bản ...

2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”;

d) Căn cứ khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao, quy định:

“Căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế tại Bộ, ngành và các địa phương, Thủ trưởng các Bộ, ngành, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định cụ thể mức chi đối với các giải thi đấu thể thao thuộc cấp mình quản lý”;

đ) Căn cứ khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao, quy định: “Khi giá cả thực tế tăng: Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định các mức chi cụ thể đối với các giải thi đấu thể thao do các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cụ thể đối với giải thi đấu thể thao do cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức hàng năm cho phù hợp nhưng không vượt quá 20% mức chi tối đa quy định tại Thông tư này và phải tự sắp xếp trong phạm vi nguồn kinh phí thường xuyên trong dự toán được giao đầu năm để thực hiện”.

+ Cơ sở thực tiễn

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ. Sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 6.360,83 km², quy mô dân số là 4.199.824 người. Thành phố Cần Thơ giáp các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Vĩnh Long và Biển Đông”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định: “*Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;*”.

Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND ngày 07 ngày 12 tháng 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên; huấn luyện viên thể thao; mức chi tổ chức các giải thể thao và điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 11/2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND). Trong đó, Phụ lục II quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao. Thực hiện chính sách tổ chức các giải thể thao đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc chỉ đạo, điều hành các sự kiện thể thao trên địa bàn thành phố, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương, phát triển phong trào thể thao thành phố (thể thao thành tích cao, thể thao quần chúng...). Hàng năm, thành phố tổ chức khoảng 10 giải thể thao cấp thành phố, có 284 huấn luyện viên, 12.223 vận động viên tham dự, chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao với kinh phí khoảng 715.840.000 đồng; cấp huyện tổ chức khoảng 76 giải, có 10.713 vận động viên tham gia, thu hút 75.280 lượt người xem; cấp xã tổ chức khoảng 371 giải, có 25.748 vận động viên tham gia, thu hút 116.873 lượt người xem. Thông qua việc ban hành quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn thành phố thời gian qua đã góp phần phổ biến, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác tổ chức giải thể thao trong cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành và nhân dân; góp phần huy động các lực lượng tham gia công tác tổ chức giải; đây là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tổ chức giải thi đấu thể thao, là cơ sở cho việc nghiên cứu, hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác tổ chức giải thể thao; đồng thời, thông qua việc tổ chức các giải thi đấu thể thao đã góp phần tăng cường sức khỏe, hoàn thiện thể chất và kỹ năng vận động, hình thành những đặc điểm tâm lý nhân cách, nâng cao các giá trị chuẩn mực về đạo đức, tinh thần, ý chí; đáp ứng nhu cầu vận động, giải trí, nghỉ ngơi lành mạnh, phục hồi sức khỏe và giao lưu của con người; góp phần tập hợp và giáo dục quần chúng về ý thức chính trị, văn hóa, xã hội, tạo môi trường xã hội văn minh và tiến bộ;

Sau sáp nhập 03 địa phương: Cần Thơ (cũ), Sóc Trăng và Hậu Giang thành thành phố Cần Thơ (mới), Ủy ban nhân dân thành phố đã tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ thông qua Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thông qua

danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, trong đó có lựa chọn tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND. Tuy nhiên, việc lựa chọn áp dụng chỉ là giải pháp tạm thời trong khi chờ Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết mới để áp dụng thống nhất cho chính quyền địa phương hai cấp sau sắp xếp;

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND có quy định về mức chi tổ chức các giải thể thao quận, huyện, hiện nay không còn phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp; Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND được ban hành năm 2012, đến nay đã triển khai thực hiện 13 năm, có sự thay đổi về giá cả thực tế; năm 2025 mức lương cơ sở 2.340.000 đồng tăng 44,8% so với mức lương cơ sở năm 2012 (1.050.000 đồng).

Từ những cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên thì việc xây dựng Nghị quyết quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao do thành phố Cần Thơ tổ chức, trong đó sẽ bãi bỏ Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND là rất cần thiết.

- Mục đích ban hành

Nhằm quy định mức chi tổ chức giải thi đấu thể thao do thành phố Cần Thơ tổ chức, giúp cho công tác tổ chức giải thể thao thuận lợi, phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn, góp phần hoàn thành chỉ tiêu sự nghiệp thể dục thể thao được thành phố giao hàng năm và góp phần phát triển phong trào thể thao của thành phố.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao do thành phố Cần Thơ tổ chức gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao
- + Điều 3. Kinh phí thực hiện
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

13. Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn và thi đấu

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “*Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;*”

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định:

Điều 50. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây: ...

b) *Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn; ”.*

c) Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, quy định:

“*Điều 11. Rà soát, xử lý văn bản...*

2. *Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”.*

d) Căn cứ khoản 2 Điều 6 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao:

“2. *Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, trên cơ sở tham khảo các mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chế độ dinh dưỡng đặc thù cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu của địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành. ”*

- Cơ sở thực tiễn

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc*

Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ. Sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 6.360,83 km², quy mô dân số là 4.199.824 người. Thành phố Cần Thơ giáp các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Vĩnh Long và Biển Đông”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên đang tập trung tập huấn và thi đấu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2021. Trong quá trình triển khai thực hiện, áp dụng chế độ theo quy định của Nghị quyết đã mang lại sự hỗ trợ tích cực đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao, chế độ dinh dưỡng đặc thù cho huấn luyện viên, vận động viên đáp ứng nhu cầu tiêu thụ năng lượng hàng ngày của huấn luyện viên, vận động viên trong điều kiện tập luyện cường độ cao, phù hợp yêu cầu thực tế, nhằm đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng thiết yếu, tạo điều kiện để huấn luyện viên, vận động viên an tâm huấn luyện, tập luyện đạt thành tích cao nhất trong thời gian tới. Nghị quyết quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn và thi đấu cho đội tuyển năng khiếu thành phố (hàng năm tập trung tập huấn từ 34 huấn luyện viên, 325 vận động viên năng khiếu), đội tuyển thể thao người khuyết tật thành phố, đội tuyển thể thao các quận, huyện và các đội tuyển thể thao khác (do các Sở, ban ngành, quận, huyện thành lập) khi tập trung tập luyện và thi đấu, nhằm đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày và quyền lợi cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao theo quy định của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi góp phần hoàn thành chỉ tiêu sự nghiệp thể dục thể thao được thành phố giao hàng năm.

Sau sáp nhập 03 địa phương: Cần Thơ (cũ), Sóc Trăng và Hậu Giang thành thành phố Cần Thơ (mới) thì Ủy ban nhân dân thành phố đã tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ thông qua Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc thông qua danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, trong

đó có lựa chọn tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên đang tập trung tập huấn và thi đấu. Tuy nhiên, việc lựa chọn áp dụng chỉ là giải pháp tạm thời trong khi chờ Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết mới để áp dụng thống nhất cho chính quyền địa phương hai cấp sau sắp xếp.

Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên đang tập trung tập huấn và thi đấu có quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên đang tập trung tập huấn có đối tượng áp dụng là đội tuyển thể thao quận, huyện, không còn phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp hiện tại; Đồng thời, chưa có quy định đối tượng đội tuyển thể thao xã, phường được tập trung tập huấn và thi đấu các giải thể thao; đặc biệt là nhu cầu cấp bách cho đối tượng là huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp xã tập trung tập huấn và thi đấu Đại hội Thể dục thể thao cấp xã tiến tới Đại hội Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ lần thứ X năm 2026 và những năm tiếp theo.

Từ những cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên thì việc xây dựng Nghị quyết quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn và thi đấu, trong đó sẽ bãi bỏ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên đang tập trung tập huấn và thi đấu là rất cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành phố Cần Thơ trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn và thi đấu gồm 04 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Mức chi và nguồn kinh phí
- + Điều 3. Tổ chức thực hiện
- + Điều 4. Hiệu lực thi hành.

14. Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ nhuận bút đối với các sản

phẩm truyền thông của Đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại khoản 4 Điều 37 Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể về chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông của cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật và nguồn kinh phí của địa phương”*.

Theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nêu rõ: *“Xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”*. Theo khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy định: *“Kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước từ ngày 01 tháng 7 năm 2025”*.

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: *“19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ.”* Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: *“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”*.

+ Cơ sở thực tiễn

Theo Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước

sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng. Theo đó, về chế độ thù lao, nhuận bút của hệ thống truyền thanh cơ sở được lựa chọn áp dụng theo Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với đài truyền thanh cấp huyện và đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Hậu Giang.

Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 37 Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể về chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông của cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật và nguồn kinh phí của địa phương”*.

Đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 28-TB/TU ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Công văn số 924/UBND-NC ngày 27 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Kết luận của tập thể Ban Thường vụ Thành ủy, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thống kê, rà soát và có Tờ trình số 452/TTr-SVHTTDL ngày 16/10/2025 về việc đề nghị ban hành Quyết định bãi bỏ các Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính. Trong đó, đề xuất bãi bỏ Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Hậu Giang và Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với đài truyền thanh cấp huyện và đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Hậu Giang. Hiện tại, 02 văn bản trên đã được bãi bỏ tại Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trước khi sáp nhập tỉnh, thành phố, kinh phí chi cho 28 cơ sở truyền thanh cơ sở cấp huyện khoảng 300 triệu đồng/năm/đơn vị (đối với Hậu Giang (cũ)); 200 triệu đồng/năm/đơn vị (đối với Sóc Trăng (cũ)); 60 triệu đồng/năm/đơn vị (đối với Hậu Giang (cũ)). Tổng chi hàng năm ước khoảng hơn 5 tỷ đồng. Tùy vào điều kiện thực tế ở địa phương, dự báo khi áp dụng các định mức trong dự thảo, ước chi nhuận bút là khoảng 60 triệu đồng/năm/đơn vị. Như vậy, kinh phí cho 103 xã, phường là khoảng 6,2 tỷ đồng/năm.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý và tổ chức hoạt động các loại hình thông tin cơ sở gồm: đài truyền thanh cấp xã; bảng tin công cộng; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; tuyên truyền trên trang thông tin điện tử; tuyên truyền qua mạng xã hội và ứng dụng nhắn tin trên internet. Theo thống kê, trên địa bàn thành phố có 103 xã, phường với 11.699 loa truyền thanh (hữu tuyến, vô tuyến, truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông).

Tuy nhiên, các xã, phường chưa có căn cứ để xây dựng dự toán và thực hiện việc chi trả nhuận bút đối với sản phẩm truyền thông của Đài truyền thanh cấp xã. Do đó, việc chưa có quy định chế độ nhuận bút đối với các sản phẩm truyền thông của cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ sẽ ít nhiều làm gián đoạn hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở, ảnh hưởng đến hoạt động thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với người dân ở cơ sở. Đồng thời, dự báo sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; khó khăn trong công tác phối hợp tham mưu giữa các cơ quan, đơn vị, cũng như ảnh hưởng đến hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết quy định chế độ nhuận bút đối với các sản phẩm truyền thông của Đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ là thật sự cần thiết và phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ nhuận bút đối với các sản phẩm truyền thông của Đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Nhuận bút
- + Điều 3. Nguồn kinh phí
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

15. Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

- + Cơ sở chính trị, pháp lý:

Gạch đầu dòng thứ tư, khoản 1 Mục II “QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU” và khoản 8 mục III Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới có nêu:

“Hướng tới thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe và BHYT toàn dân; mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe; được bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tham gia BHYT và thụ hưởng các dịch vụ y tế. Tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế và có cơ chế giá, cơ chế đồng chi trả nhằm phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở”;

“Thực hiện nguyên tắc y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu. Khám, chữa bệnh do BHYT và người dân chi trả. Chăm sóc sức khỏe ban đầu do BHYT, người dân và ngân sách nhà nước cùng chi trả; BHYT đối với người lao động phải do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng góp; ngân sách nhà nước bảo đảm đối với một số đối tượng chính sách. ...”.

Gạch đầu dòng thứ năm khoản 1 Mục II “MỤC TIÊU” Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân có nêu: *“Đến năm 2026, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt trên 95% dân số, đến năm 2030 đạt bao phủ BHYT toàn dân; phát triển các loại hình bảo hiểm sức khỏe”.*

Theo khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“Quyết định chính sách, biện pháp trong lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao”.* Điều a Khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định: *“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.* Tại điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT có quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố: *“e) Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; mức hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng không được hưởng mức hỗ trợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT cho người tham gia BHYT khi đi khám bệnh, chữa bệnh.”*

+ Cơ sở thực tiễn:

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh:

“19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...” Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định:

“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân thành phố đã đề xuất trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết thông qua danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng và Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết trước sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định.

Qua rà soát, trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng đã trình HĐND ban hành các Nghị quyết hỗ trợ mức đóng BHYT cho một số đối tượng, cụ thể:

Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ): Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho người nhiễm HIV/AIDS và phụ nữ mại dâm hoàn lương; Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 quy định mức chi hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho người dân tộc thiểu số.

Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ): Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025. Ngoài ra, UBND tỉnh Sóc Trăng có ban hành Quyết định giao dự toán kinh phí mua BHYT cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ngoài vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh và người nhiễm HIV/AIDS.

Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ): Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2024 quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 06

tháng 7 năm 2022 quy định chính sách hỗ trợ an sinh xã hội và hỗ trợ mức đóng BHYT cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2022 - 2025.

Các chính sách, quy định nêu trên đã kịp thời hỗ trợ các nhóm đối tượng tham gia BHYT, giảm gánh nặng về tài chính khi ốm đau, bệnh tật, đồng thời góp phần vào mục tiêu tăng tỷ lệ bao phủ BHYT hàng năm của các địa phương.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn thành phố hiện nay vẫn còn một số bất cập, khó khăn như: Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT còn chưa đi vào chiều sâu, số người tham gia BHYT theo hộ gia đình thiếu tinh bền vững, vẫn còn nhiều đối tượng yếu thế trong xã hội chưa có điều kiện tham gia BHYT, nếu không may bị ốm đau, bệnh tật dễ lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe thông qua chính sách BHYT.

Ngoài ra, một số Nghị quyết hỗ trợ mức đóng BHYT cho một số đối tượng tại thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng (cũ) nêu trên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ hết thời hạn áp dụng, nếu không kịp thời tham mưu trình ban hành Nghị quyết hỗ trợ mức đóng BHYT cho các đối tượng này khả năng sẽ làm gián đoạn giá trị sử dụng thẻ BHYT và ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi người tham gia BHYT. Ngoài ra việc ban hành Nghị quyết để hợp nhất, kế thừa và điều chỉnh thống nhất chính sách hỗ trợ đóng BHYT cho các nhóm đối tượng. đặc biệt là các đối tượng yếu thế (như hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người cao tuổi, người nhiễm HIV/AIDS, người dân tộc thiểu số) phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố Cần Thơ sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là rất cần thiết và cấp bách, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu đạt bao phủ BHYT toàn dân theo Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Mức hỗ trợ
- + Điều 4. Kinh phí thực hiện
- + Điều 5. Tổ chức thực hiện
- + Điều 6. Hiệu lực thi hành.

16. Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người nhận trợ cấp hưu trí xã hội áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định: “*Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên, hỗ trợ nhận chăm sóc tại cộng đồng và kinh phí thực hiện chi trả chính sách; tuyên truyền, xét duyệt đối tượng; ứng dụng công nghệ thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ và kiểm tra giám sát được thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội, quy định: “*Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*”;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định “*Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương*”;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế; điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội, quy định: *Việc chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả được lập thành hợp đồng giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức dịch vụ chi trả.*

+ Cơ sở thực tiễn:

Thời gian qua, công tác triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi được thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện, bảo đảm các chính sách trợ giúp xã hội đến đối tượng thụ hưởng kịp thời, đầy đủ nhằm giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi giảm bớt khó khăn trong cuộc sống, góp phần vào công tác bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn thành phố. Tính đến tháng 9 năm 2025, thành phố Cần Thơ đã có quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, trợ cấp hưu trí xã hội hàng tháng trên 198.000 người, kinh phí thực hiện trợ cấp trên 131 tỷ đồng/tháng (*chưa bao gồm tiền mua thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí mai táng*). Hiện nay, các địa phương đang tiếp tục rà soát, quyết định trợ cấp hưu trí đối với người cao tuổi theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. Vì vậy, số lượng đối tượng và kinh phí trợ cấp dự báo sẽ tiếp tục tăng lên trong thời gian tới.

Trước thời điểm sáp nhập đơn vị cấp tỉnh (thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang) chọn Bưu điện là đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội. Đồng thời, mỗi đơn vị có hình thức quy định và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả khác nhau, cụ thể như sau:

(1) Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, áp dụng mức phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội bằng 0,5% trên tổng số tiền chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng (phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

(2) Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, áp dụng mức phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội bằng 0,94% trên tổng số tiền chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2025 (*sau khi đã sáp nhập vào thành phố Cần Thơ*) nên không phù hợp để áp dụng.

(3) Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt “Phương án chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng Bảo trợ xã hội thông qua dịch vụ Bưu điện trên địa bàn thành phố Cần Thơ”, với mức chi phí chi trả từ 3.000-6.000 đồng/đối tượng/tháng. Tuy nhiên, đến ngày 17 tháng 7 năm 2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 50/2024/TT-BTC; trong đó quy định

mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho đối tượng trợ cấp xã hội.

Sau hợp nhất 03 tỉnh, thành phố (Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng): *Nghị quyết 08/2025/NQ-HĐND* ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ không còn phù hợp để áp dụng. Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang còn hiệu lực thi hành ở đơn vị hành chính tỉnh Hậu Giang (cũ) theo Khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Hiện nay trên địa bàn thành phố đang gặp khó khăn trong thực hiện mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là tại tỉnh Sóc Trăng (cũ), thành phố Cần Thơ (cũ). Từ cơ sở nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người nhận trợ cấp hưu trí xã hội áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ để phù hợp với tình hình thực tiễn là cần thiết và có cơ sở.

- Mục đích ban hành:

Xây dựng quy định mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người nhận trợ cấp hưu trí xã hội áp dụng trên địa bàn thành phố nhằm đảm bảo theo quy định của Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và làm cơ sở để tổ chức chi trả trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội cho người cao tuổi trên địa bàn thành phố.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người nhận trợ cấp hưu trí xã hội áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Mức chi phí chi trả và kinh phí thực hiện
- + Điều 3. Tổ chức thực hiện
- + Điều 4. Hiệu lực thi hành.

17. Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

+ Cơ sở thực tiễn

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, quy định:

“3. Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập dự toán chi cho việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Căn cứ tình hình thực tế tại địa

phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương.

4. Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn lực ngân sách địa phương.”

Hiện nay, Hội đồng nhân dân thành phố đã lựa chọn áp dụng chung Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp, việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Cần Thơ phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn lực ngân sách thành phố.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Nội dung, mức chi
- + Điều 3. Kinh phí thực hiện
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

18. Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính quy định:

“Điều 4. Mức chi

2. ... Căn cứ vào tình hình thực tế, tính chất phức tạp của từng nhiệm vụ chi và khả năng ngân sách; Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức chi cụ thể cho phù hợp, đảm bảo không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này”.

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước “2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”

+ Cơ sở thực tiễn

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định: “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ”;

Điều b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

Trên cơ sở đó, ngày 31 tháng 7 năm 2025, Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Sóc Trăng ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục

áp dụng; theo đó, Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính được lựa chọn áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ (mới).

Thực tế thời gian qua, công tác kiểm soát thủ tục hành chính với khối lượng công việc ngày càng nhiều, tính chất công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn như công nghệ thông tin, đất đai, xây dựng, môi trường, tài chính, kinh doanh,... Quá trình triển khai thực hiện công tác rà soát, đánh giá, đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện liên thông, trực tuyến toàn trình trong giải quyết thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính tạo nhiều áp lực cho công chức do số lượng hồ sơ nhiều và yêu cầu cao về trình độ chuyên môn, trách nhiệm nghề nghiệp. Tuy nhiên, mức chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính, phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính hiện nay áp dụng đối với cấp xã theo Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND còn thấp; đồng thời, mức chi nội dung này chưa phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp như hiện nay nên cần rà soát, ban hành nghị quyết mới.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý chung, áp dụng thống nhất về mức chi cho kiểm soát thủ tục hành chính, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Cần Thơ gồm 04 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Mức chi
- + Điều 3. Kinh phí thực hiện
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

19. Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng ngày 27/6/2025;

Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ;

Thông tư số 52/2024/TT-BQP ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ;

Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Điểm d, Khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; *“Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình”*;

Khoản 1 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định *“Ủy ban nhân dân xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành nghị quyết thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thực hiện nghị quyết”*;

Điểm b, khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định: *“Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”*

Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định nhiệm vụ Hội đồng nhân dân các cấp: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để*

thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”;

Đề án số 196/ĐA-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách cho Dân quân tự vệ giai đoạn 2021 - 2025;

Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách cho DQTV giai đoạn 2021 - 2025;

Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 về việc quy định chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố;

Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;

Nghị quyết số 866-NQ/QUTW ngày 14/6/2025 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức quân sự địa phương “tinh, gọn, mạnh” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

+ Cơ sở thực tiễn:

Theo Nghị định số 16/2025/NĐ-CP sửa đổi Điều 11, Điều 12 của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ đó là: Đối với Dân quân thường trực được hưởng “Mức trợ cấp ngày công lao động do UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định, nhưng không thấp hơn 327.600 đồng, trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm không thấp hơn 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng”.

Đối với lực lượng dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế, hải đội dân quân thường trực, dân quân biển khi có quyết định huy động, điều động làm nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt (trừ nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển) thì được hưởng như lực lượng Dân quân thường trực.

Đối với Thôn đội trưởng: Mức hưởng phụ cấp hàng tháng do UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định, nhưng không thấp hơn 1.170.000 đồng.

Về mức phụ cấp hàng tháng đối với ấp đội trưởng, khu vực trưởng quân sự được quy tại Nghị định số 16/2025/NĐ-CP của Chính phủ “do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không thấp hơn 1.170.000 đồng”; (Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND 1.192.000 đồng). Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 19 và khoản 4 Điều 20 Luật DQTV quy định chức năng, nhiệm vụ ấp đội trưởng, khu vực trưởng quân sự kiêm tiểu đội trưởng dân quân tại chỗ là người trực tiếp làm tham mưu cho cấp ủy địa phương lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở địa phương. Trong khi đó Công an ấp, khu vực theo quy định hiện nay do Công an phường, xã (là lực lượng chính quy) phụ trách bảo đảm về an ninh, trật tự. So sánh về mức lương, phụ cấp của hai đối tượng này chênh lệch rất lớn. Bên cạnh đó, mức thu nhập 1.170.000 đồng/người/tháng so với mặt bằng chung còn thấp, trong khi giá cả thị trường tăng cao, đa số cán bộ ấp đội trưởng, khu vực trưởng quân sự còn nhiều khó khăn về kinh tế, đồng thời việc thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, khối lượng công việc của ấp đội trưởng, khu vực trưởng quân sự hiện nay rất nhiều.

Về hỗ trợ dân quân thường trực tại phường, xã đi tuần tra đêm (*nội dung này trong Nghị định số 16/2025/NĐ-CP của Chính phủ không có đề cập*). Thực tế hiện nay, lực lượng dân quân thường trực ở phường, xã tham gia vào hầu hết các nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn ở địa phương, đặc biệt có thời điểm phải thực hiện nhiệm vụ liên tục như trong các cao điểm lễ, tết, các sự kiện của địa phương, hoặc vào thời điểm mưa bão. Trong các hoạt động của lực lượng dân quân tìm ẩn nhiều rủi ro bệnh tật, tai nạn, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe. Bên cạnh đó đề nghị hỗ trợ dân quân thường trực đi tuần tra đêm cũng nhằm bảo đảm tương ứng với chế độ chính sách đối với tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hưởng theo quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi hỗ trợ thường xuyên hàng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

Ngày 31/7/2025 Hội đồng nhân dân thành phố Ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, trong đó tại mục VIII quy định tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 về việc quy định chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố. Qua rà soát Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND cho thấy các căn cứ pháp lý ban hành không còn phù hợp; mức trợ cấp ngày công lao động, ngày công lao động tăng thêm, phụ cấp hàng tháng của ấp đội trưởng, khu vực trưởng quân sự chưa bảo đảm theo quy định của Nghị định số 16/2025/NĐ-CP và còn thấp so với mặt bằng chung về mức thu nhập hiện nay, từ đó ảnh hưởng đến đời sống cá nhân và gia đình. Bên cạnh đó việc chưa thực hiện hỗ trợ tuần tra đêm, tạo tâm lý so sánh giữa các lực lượng, làm giảm tính hiệu quả khi thực hiện nhiệm vụ. Do đó, việc sớm ban hành hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng dân quân tự vệ ổn định cuộc sống và an tâm công tác, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố.

Từ các cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, Bộ CHQS thành phố xét thấy việc đề nghị UBND thành phố trình HĐND thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ để kịp thời thay

thể Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND là hết sức cần thiết và cấp bách nhằm đảm bảo theo đúng các quy định của Chính phủ.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ gồm 04 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ
- + Điều 3. Tổ chức thực hiện
- + Điều 4. Hiệu lực thi hành.

20. Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tại khoản 1, Điều 2 quy định: “*Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã do ngân sách địa phương bảo đảm. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, mức tối thiểu 5 triệu đồng/Ban/năm và cân đối cho ngân sách cấp xã*”.

Đồng thời, tại điểm b, Khoản 2, Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15), quy định: “*b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”*.

+ Cơ sở thực tiễn

Căn cứ các văn bản pháp quy thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp và ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo thành phố về việc rà soát, tham mưu xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (sau sắp xếp) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Qua rà soát, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) và tỉnh Hậu Giang (cũ) trước khi sáp nhập, quy định mức hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã không còn phù hợp với tình hình thực tế khi triển khai thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Do hiện nay các xã, phường có quy mô về diện tích, dân số, tổ chức bộ máy đã lớn hơn trước rất nhiều; đồng thời, 02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) và tỉnh Hậu Giang (cũ) căn cứ vào quy định tại Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để quy định mức hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã. Tuy nhiên, Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được thay thế bởi Thông tư số 04/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Từ các cơ sở nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Quy định thống nhất mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố cần thơ để phù hợp với tình hình thực tế sau sắp xếp các đơn vị hành chính.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Mức hỗ trợ
- + Điều 3. Kinh phí thực hiện
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

21. Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh “*Trình HĐND cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi*”. Tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi quy định về vùng nuôi chim yến “*Vùng nuôi chim yến do UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quyết định*”.

Theo đó, HĐND thành phố Cần Thơ (cũ) ban hành Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố Cần Thơ; HĐND tỉnh Hậu Giang ban hành Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2021 quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; HĐND tỉnh Sóc Trăng ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2022 quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 bãi bỏ một phần Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Các Nghị quyết này đã được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ thời gian qua.

Đến ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tại khoản 19 Điều 1 quy định “*19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...*”. Tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định “*b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi HĐND, UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;*”.

+ Cơ sở thực tiễn

Sau sắp xếp, sáp nhập thành phố Cần Thơ có thay đổi về diện tích, quy mô dân số và tình hình kinh tế xã hội, việc áp dụng các Nghị quyết do chính quyền địa phương cũ ban hành đã không còn phù hợp với tình hình mới, dự báo sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nhất là công tác quản lý hoạt động chăn nuôi, dịch bệnh và môi trường trong chăn nuôi ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị và chất lượng cuộc sống của người dân; khó khăn trong công tác phối hợp tham mưu giữa các cơ quan, đơn vị, cũng như ảnh hưởng đến hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như đời sống của người dân.

Với căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành ***“Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố Cần Thơ”*** là thật sự cần thiết đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi và bảo vệ môi trường khu vực nội thành, nội thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới sau khi sáp nhập và phù hợp với quy định.

- Mục đích ban hành

+ Ban hành Nghị quyết của HĐND thành phố quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm cụ thể hóa các Điều, khoản trong Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 đã giao trách nhiệm UBND thành phố trình HĐND thành phố.

+ Xây dựng quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố Cần Thơ để phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình chăn nuôi tại địa phương; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi; đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn thành phố trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những quy định hợp lý của các nghị quyết đã ban hành, triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ thời gian qua, đồng thời cập nhật, điều chỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển mới của thành phố sau sáp nhập.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi
- + Điều 3. Vùng nuôi chim yến
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

22. Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 20 Luật Cư trú số 68/2020/QH14 quy định:

“Điều 20. Điều kiện đăng ký thường trú

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, công dân được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ khi đáp ứng các điều kiện sau đây: ...

b) Bảo đảm điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng không thấp hơn 08 m² sàn/người.”.

Đồng thời, căn cứ khoản 4 Điều 5 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú quy định:

“Điều 5. Giấy tờ, tài liệu, thông chứng minh chỗ ở hợp pháp...

4. Giấy tờ, tài liệu chứng minh đảm bảo diện tích nhà ở để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Cư trú là một trong các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này trong đó có thể hiện diện tích nhà ở;

b) Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về điều kiện diện tích bình quân bảo đảm theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.”.

+ Cơ sở thực tiễn

Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân 03 địa phương: thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng đã ban hành 03 Nghị quyết quy định về diện tích nhà ở tối thiểu khi giải quyết đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn: Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang và Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Theo đó:

- Đối với thành phố Cần Thơ quy định diện tích nhà ở tối thiểu khi giải quyết đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ là 12 m² sàn/người.

- Đối với tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng quy định diện tích nhà ở tối thiểu khi giải quyết đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ là 08 m² sàn/người.

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định:

“Điều 1. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh...”

19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ.”

Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định:

“Điều 54. Hiệu lực về không gian...”

b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới.”

Để đảm bảo việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật của 03 địa phương được đồng bộ, thống nhất, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (mới) đã ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng và Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc bãi bỏ các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính, trong đó, đã lựa chọn Nghị quyết số 14/2022/NĐ-HĐND để tiếp tục áp dụng và bãi bỏ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

Căn cứ Công văn số 924/UBND-NC ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Kết luận của tập thể Ban Thường vụ Thành ủy theo Thông báo số 28-TB/TU ngày 30 tháng 7 năm 2025,

quy định các văn bản được chọn tiếp tục áp dụng hay được bãi bỏ đều phải xây dựng lại để thống nhất trên địa bàn thành phố.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt cơ bản của công dân cư trú trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong giai đoạn hiện nay thống nhất, hiệu quả, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì việc ban hành Nghị quyết là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Ban hành chính sách quy định điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu khi giải quyết đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ tại địa phương bảo đảm phù hợp với quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực cư trú trên địa bàn thành phố theo quy định của Luật Cư trú năm 2020.

Tạo khuôn khổ pháp lý cho cơ quan quản lý nhà nước về cư trú thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của công dân chưa có chỗ ở hợp pháp thuộc sở hữu của mình, được đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố, đồng thời đảm bảo điều kiện sinh hoạt cơ bản của công dân cư trú tại thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định quy định điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn thành phố Cần Thơ
- + Điều 3. Tổ chức thực hiện
- + Điều 4. Hiệu lực thi hành.

23. Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

- + Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 14, khoản 1 Điều 23, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15 quy định:

“Điều 14. Bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

3. Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.”

“Điều 23. Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng hỗ trợ, bồi dưỡng khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng được quy định như sau:

b) Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng mức tiền bồi dưỡng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

c) Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;”.

“Điều 26. Nhiệm vụ chi của địa phương

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.”

Đồng thời, tại khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định:

“3. Mức hỗ trợ: Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn hằng ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

“3. Mức hưởng:

a) *Trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn hàng ngày, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;*

b) *Trường hợp tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”.*

Từ những cơ sở pháp lý trên, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 quy định tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 quy định mức chi hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Các Nghị quyết này được thực hiện thống nhất trong thời gian qua.

Đến ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tại khoản 19 Điều 1 quy định “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”. Tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định “b) *Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”*

+ Cơ sở thực tiễn

Sau khi sắp xếp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, thành phố Cần Thơ (mới) có sự thay đổi lớn về diện tích, quy mô dân số, trong đó, tổng diện tích tự nhiên là 6.360,83 km², dân số 4.257.581 người; có 103 đơn vị hành chính cấp xã, có 72 xã, 31 phường, với 1.896 ấp, khóm, khu vực (1.383 ấp, 123 khóm, 390 khu vực). Sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn cơ sở còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, do vậy việc áp dụng các Nghị quyết của chính quyền địa phương cũ đã ban hành sẽ không còn phù hợp với tình hình thực tế, chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tương xứng với vị trí, chức năng, nhiệm vụ được giao đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc hỗ trợ Công an cấp xã thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Củng cố, kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đầy đủ trong xây dựng, hoạt động, quản lý, sử dụng và bảo đảm chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng, điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần đấu tranh, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội tại địa bàn cơ sở.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 09 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
- + Điều 3. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở
- + Điều 4. Mức hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết, tổ chức các phong trào thi đua, khen thưởng do địa phương tổ chức; trang bị trang phục, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận và các khoản chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở
- + Điều 5. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ
- + Điều 6. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở
- + Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện
- + Điều 8. Tổ chức thực hiện
- + Điều 9. Hiệu lực thi hành.

24. Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.

+ Cơ sở thực tiễn:

Sau khi rà soát Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định nội dung và mức chi ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Cần Thơ, nhận thấy một số căn cứ pháp lý, nội dung đến nay cần thiết phải cập nhật thay thế để đảm bảo phù hợp với các văn bản quy định mới và tình hình thực tiễn sau khi sáp nhập địa giới hành chính cấp tỉnh.

Việc xây dựng Nghị quyết quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Cần Thơ thay thế Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND là cần thiết, đây là sơ sở pháp lý thống nhất việc thực hiện mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Cần Thơ (sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh).

- Mục đích ban hành:

+ Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến phù hợp với tình hình thực tiễn quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ của thành phố sau sắp xếp đơn vị hành chính;

+ Làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho các hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- + Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện.
- + Điều 3. Nội dung và mức chi hợp của Hội đồng sáng kiến.
- + Điều 4. Nội dung và mức chi phổ biến sáng kiến.
- + Điều 5. Nội dung và mức chi khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo.
- + Điều 6. Tổ chức thực hiện.
- + Điều 7. Hiệu lực thi hành.

25. Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 238/NQ-TT ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc chấp thuận đăng ký xây dựng 04 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

+ Cơ sở thực tiễn:

Hoạt động sở hữu trí tuệ có ý nghĩa quan trọng, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội nói chung và phát triển khoa học và công nghệ nói riêng. Các hoạt động hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của thành phố đã trở thành hoạt động thường xuyên, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương. Thời gian qua, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp lý nhằm thúc đẩy hoạt động hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ như:

Thực hiện mục tiêu tại khoản 4 mục II của Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 có đề xuất mục tiêu đến năm 2030 “Tài sản trí tuệ mới của cá nhân, tổ chức Việt Nam gia tăng cả về số lượng và chất lượng, cải thiện vượt bậc các chỉ số về sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu” và nội dung “Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước” quy định tại khoản 2 phần II Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030. Theo đó, nguồn kinh phí, nội dung và mức chi để hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế/ giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới quy định tại điểm a, khoản 2 mục II Điều 1 Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, tại điểm c Khoản 1 Điều 6 quy định: *“Đối với nhiệm vụ do địa phương quản lý, căn cứ vào các công việc có liên quan, điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương để thực hiện”*

Bên cạnh đó, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, thúc đẩy đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt về số lượng đơn đăng ký và số lượng văn bằng bảo hộ đối với sáng chế sẽ góp phần thực hiện nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương, tạo sự bứt phá về năng suất chất lượng, nâng cao sức mạnh cạnh tranh của hàng hóa dịch vụ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thành phố cần đẩy mạnh phát triển tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Việc xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ thay thế Nghị quyết số

03/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ là cần thiết, đây là cơ sở pháp lý thống nhất việc thực hiện hỗ trợ tổ chức, cá nhân phát triển giá trị tài sản trí tuệ, xây dựng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, giúp nâng cao uy tín, giá trị các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới (sau khi sáp nhập địa giới hành chính cấp tỉnh).

- Mục đích ban hành:

Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ ban hành nhằm thống nhất, đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại thành phố Cần Thơ sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, sáp nhập thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố Cần Thơ mới.

Tạo cơ sở pháp lý áp dụng thống nhất mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm khuyến khích, thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng, bảo vệ, khai thác tài sản trí tuệ của các tổ chức, cá nhân.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều:

+ Điều 1. Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

+ Điều 2. Tổ chức thực hiện

+ Điều 3. Hiệu lực thi hành.

26. Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, quy định:

“Điều 4. Nội dung chi và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm

*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương **trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể** cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 3 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu tính chất phức tạp của cuộc Điều tra thống kê, địa bàn Điều tra thống kê khó khăn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định một số mức chi cao nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 3 Thông tư này”.*

+ Cơ sở thực tiễn:

Thời gian qua, việc ban hành và triển khai Nghị quyết của 3 tỉnh, thành phố (thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang) đã kịp thời tháo gỡ khó khăn trong việc xác định mức chi cho các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn thành phố Cần Thơ, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các sở, ngành, quận, huyện khi xây dựng dự toán và thanh quyết toán kinh phí. Mức chi quy định tại Nghị quyết phù hợp với thực tế giá cả, khối lượng công việc và quy mô các cuộc điều tra chuyên đề tại thành phố.

Các cơ quan được giao chủ trì điều tra (như: Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế...) đã chủ động xây dựng phương án điều tra, thiết kế phiếu, tổ chức thu thập và xử lý số liệu theo đúng quy định. Mức khoán cho các công tác tổng hợp, phân tích,... được đánh giá là hợp lý, đảm bảo chi phí nhân lực, chuyên gia và hội đồng thẩm định.

Đối tượng cung cấp thông tin được hỗ trợ theo số lượng chỉ tiêu, góp phần khuyến khích sự hợp tác, nâng cao tỷ lệ phản hồi và độ chính xác của dữ liệu. Việc phân định mức chi giữa cá nhân, tổ chức và cơ quan nhà nước rõ ràng, thuận tiện cho quản lý và kiểm soát chi ngân sách.

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định: *“19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ”.*

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: *“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm*

pháp”.Sau khi sáp nhập 3 địa phương trở thành thành phố Cần Thơ, Ủy ban nhân dân thành phố đã đề xuất Hội đồng nhân dân thành phố chọn Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm để tiếp tục áp dụng (*chọn áp dụng tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025*).

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, quy định: “*Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.*”.

Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 28-TB/TU ngày 30/7/2025, như sau: “*Khẩn trương rà soát ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; thời gian hoàn thành trước 30/10/2025.*”; thực hiện Công văn số 183-CV/ĐU ngày 07/8/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc triển khai thông báo số 28-TB/TU ngày 30/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy và thực hiện Công văn số 924/UBND-NC ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc triển khai thực hiện Kết luận của tập thể Ban Thường vụ Thành ủy theo Thông báo số 28-TB/TU ngày 30/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy.

Để đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội, Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận cho chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn thành phố Cần Thơ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố để thay thế Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND thành phố Cần Thơ (cũ) theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết và phù hợp với quy định.

- Mục đích ban hành:

Việc ban hành Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý chung để áp dụng thống nhất việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn thành phố Cần Thơ, đồng thời đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Nội dung và mức chi
- + Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

27. Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp thành phố và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Điều 1 Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

“1...

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này”.

+ Cơ sở thực tiễn:

Sau sắp xếp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, thành phố Cần Thơ (mới) có diện tích, qui mô dân số và tình hình kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi, việc áp

dụng Nghị quyết do chính quyền địa phương cũ ban hành đã không còn phù hợp với tình hình mới, dự báo sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; khó khăn trong công tác phối hợp tham mưu giữa các cơ quan, đơn vị, cũng như ảnh hưởng đến hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đời sống của người dân.

Từ các cơ sở nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp thành phố và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Hoàn thiện cơ chế tài chính nhằm thúc đẩy, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ; phát huy nguồn nhân lực tại địa phương và thu hút nguồn nhân lực ngoài địa phương tham gia tư vấn, phản biện, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp thành phố và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Quy định nội dung và mức chi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp thành phố
- + Điều 4. Quy định nội dung và mức chi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở
- + Điều 5. Nguồn kinh phí
- + Điều 6. Tổ chức thực hiện
- + Điều 7. Hiệu lực thi hành.

28. Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: **Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.**

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030, quy định:

“

1. Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình 1322 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi đảm bảo phù hợp”.

+ Cơ sở thực tiễn:

Sau sắp xếp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, thành phố Cần Thơ (mới) có diện tích, quy mô dân số và tình hình kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi, việc áp dụng các Nghị quyết do chính quyền địa phương cũ ban hành đã không còn phù hợp với tình hình mới, dự báo sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; khó khăn trong công tác phối hợp tham mưu giữa các cơ quan, đơn vị, cũng như ảnh hưởng đến hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như đời sống của người dân.

Từ các cơ sở nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Hoàn thiện cơ chế tài chính nhằm thúc đẩy, khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 09 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Nội dung và mức chi để thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng
- + Điều 3. Nội dung và mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng
- + Điều 4. Nội dung và mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
- + Điều 5. Nội dung và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322
- + Điều 6. Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh
- + Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện
- + Điều 8. Tổ chức thực hiện
- + Điều 9. Hiệu lực thi hành.

29. Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình công tác 06 tháng cuối năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Trong đó, tại số thứ tự 252 phần III Danh mục các báo cáo, đề án, văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề cần trình Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kèm Chương trình công tác 06 tháng cuối năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ như sau: *“Quyết định quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất”* và được thông qua vào tháng 12 năm 2025, do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tham mưu theo quy định. Cơ sở pháp lý trình ban hành Quyết định là căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai như sau: *“2. Quyết định bảng giá đất lần đầu, quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất quy định tại khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai và khoản 5 Điều 14, khoản 1 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.”* thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố phân quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 226/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (tại khoản 11 Điều 1) quy định như sau:

“2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và tình hình thực tế tại địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất đồng thời với việc quyết định bảng giá đất. Đối với thửa đất, khu đất có yếu tố thuận lợi hoặc kém thuận lợi trong việc sử dụng đất, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương để quy định tăng hoặc giảm mức giá đối với một số trường hợp sau:

a) Đất thương mại, dịch vụ, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ có khả năng sinh lợi cao, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ; đất nông nghiệp trong khu dân cư, trong địa giới hành chính phường; đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở;

b) Thửa đất ở có các yếu tố thuận lợi hơn hoặc kém thuận lợi hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất so với các thửa đất ở có cùng vị trí đất trong bảng giá đất.”.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 263/NQ-TT về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí

đất trong bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Thời gian trình thông qua nghị quyết: Tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất khi hồ sơ dự thảo nghị quyết đảm bảo đầy đủ điều kiện trình theo quy định của pháp luật.

Từ cơ sở nêu trên, Nghị quyết Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ có căn cứ pháp lý, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định đồng thời với quyết định bảng giá đất để công bố và áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

+ Cơ sở thực tiễn:

Nghị Quyết Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ trên cơ sở rà soát, kế thừa các nội dung phù hợp và sửa đổi, bổ sung các nội dung chưa phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất.

Bên cạnh đó, Nghị quyết Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố quy định đồng thời với việc quyết định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 là đảm bảo cơ sở thực tiễn của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Mục đích ban hành:

Việc ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính thành phố Cần Thơ và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện đồng bộ với quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, trong đó liên quan đến việc xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 điều, cụ thể:

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Tiêu chí xác định vị trí đối với từng loại đất
- + Điều 4. Số lượng vị trí đất trong bảng giá đất
- + Điều 5. Quy định về tăng hoặc giảm mức giá đối với một số vị trí thửa đất cụ thể
- + Điều 6. Tổ chức thực hiện
- + Điều 7. Hiệu lực thi hành.

30. Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

- + Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.”.

Tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai quy định:

“3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bảng giá đất, công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; sửa đổi, bổ sung bảng giá đất khi cần thiết.”

Tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất quy định:

“5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bảng giá đất, công bố công khai và chỉ đạo cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.”.

Tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định:

“2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và tình hình thực tế tại địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất đồng thời với việc quyết định bảng giá đất. Đối với thửa đất, khu đất có yếu tố thuận lợi hoặc kém thuận lợi trong việc sử dụng đất, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương để quy định tăng hoặc giảm mức giá đối với một số trường hợp sau:

a) Đất thương mại, dịch vụ, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ có khả năng sinh lợi cao, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ; đất nông nghiệp trong khu dân cư, trong địa giới hành chính phường; đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở;

b) Thửa đất ở có các yếu tố thuận lợi hơn hoặc kém thuận lợi hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất so với các thửa đất ở có cùng vị trí đất trong bảng giá đất.”.

Tại điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP quy định:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: a) Tổ chức xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trình Hội đồng nhân dân ban hành bảng giá đất;”

Tại Nghị quyết số 226/NQ-TT ngày 28 tháng 10 năm 2025, Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết các luật của Quốc hội, nghị định của Chính phủ và thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; trong đó có Nghị quyết quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Tại Nghị quyết số 283/NQ-TT ngày 10 tháng 12 năm 2025, Thường trực Hội đồng nhân dân chấp thuận xây dựng Nghị quyết quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Từ các cơ sở nêu trên, việc Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ để công bố và áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 là có căn cứ pháp lý và đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

+ Cơ sở thực tiễn:

Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đã sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ.

Bảng giá đất hiện hành của các địa phương được ban hành, sửa đổi, bổ sung trong những giai đoạn khác nhau và được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai số 31/2024/QH15; sẽ hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Do vậy, việc Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định bảng giá đất để công bố và áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 là yêu cầu cấp thiết, đảm bảo đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai.

- Mục đích ban hành:

Nhằm triển khai thực hiện quy định của pháp luật, giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính thành phố Cần Thơ và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện đồng bộ với quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, đảm bảo đồng bộ, tổng thể trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 11 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Xác định vị trí đất đối với nhóm đất nông nghiệp
- + Điều 4. Xác định vị trí đất đối với đất ở
- + Điều 5. Xác định vị trí đất đối với nhóm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở
- + Điều 6. Bảng giá các loại đất
- + Điều 7. Giá các loại đất khác
- + Điều 8. Xác định giá đất trường hợp đặc biệt
- + Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp
- + Điều 10. Tổ chức thực hiện
- + Điều 11. Hiệu lực thi hành.

31. Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa quy định “1. Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.”.

Theo đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 5 năm 2025 quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2025 quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Các Nghị quyết này đã được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ thời gian qua.

Đến ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tại khoản 19 Điều 1 quy định “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”. Tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

+ Cơ sở thực tiễn:

Hiện nay, tỉnh Sóc Trăng (cũ) và tỉnh Hậu Giang (cũ) được hợp nhất vào thành phố Cần Thơ, việc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của

Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa đòi hỏi phải có sự thống nhất, đồng bộ và phù hợp với tình hình mới.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay nhằm đảm bảo việc thực hiện chính sách được đầy đủ, thống nhất, đồng bộ và đúng quy định.

- Mục đích ban hành:

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 6 Điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Nguyên tắc và phạm vi hỗ trợ
- + Điều 3. Định mức hỗ trợ
- + Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ
- + Điều 5. Tổ chức thực hiện
- + Điều 6. Hiệu lực thi hành.

32. Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 25/10/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2024/NĐ-CP quy định về thanh lý rừng trồng, tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định quy định “Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương”, đồng thời, theo khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ chứa quy phạm pháp luật (là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong phạm vi cả nước hoặc trong đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định tại Luật này ban hành và được Nhà

nước đảm bảo thực hiện). Vì vậy, việc Hội đồng nhân dân thành phố ban hành “Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên thành phố Cần Thơ” là cần thiết và phù hợp quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ.

+ Cơ sở thực tiễn:

Trên cơ sở Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý rừng (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 34/2011/QĐ-TTg ngày 24/6/2011), Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 18/2013/TT-BTC ngày 20/02/2013 hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý rừng trồng không thành rừng, rừng trồng không có khả năng thành rừng. Ngày 28/12/2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 110/2020/TT-BTC bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 18/2013/TT-BTC ngày 20/02/2013; theo đó, Thông tư số 18/2013/TT-BTC hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2021. Từ tháng 02 năm 2021 đến nay, do chưa có văn bản pháp luật quy định về thanh lý rừng trồng được đầu tư bằng nguồn vốn của Nhà nước trên địa bàn thành phố, các chủ rừng gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các thủ tục thanh lý rừng trồng bị thiệt hại do thiên tai theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 60/2020/QH14 gồm: “bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác” gây thiệt hại rừng trồng chưa thành rừng.

Ngày 25/10/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2024/NĐ-CP quy định về thanh lý rừng trồng. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định quy định “2. Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương”. Vì vậy, để giải quyết khó khăn vướng mắc việc thực hiện thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn thành phố hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ kính trình Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ là rất cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Mục đích ban hành:

Việc xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng; đảm bảo việc quyết định, quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý được kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tế

đề ra, nâng cao trách nhiệm trong quản lý tài sản công, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn thành phố
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành.

33. Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;
- Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;
- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;
- Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Đặc biệt, căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, giao thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế địa phương.

+ Cơ sở thực tiễn:

Hiện nay, các văn bản quy định về cơ chế hỗ trợ trước đây như Nghị định số 02/2017/NĐ-CP, Quyết định số 719/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành. Trong khi đó, tình hình dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố diễn biến phức tạp, gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm lấp đầy khoảng trống pháp lý, bảo đảm tính liên tục của chính sách hỗ trợ kể từ sau ngày 25 tháng 7 năm 2025, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố.

- Mục đích ban hành:

Nhằm hỗ trợ kịp thời cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh; hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật; đồng thời tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, góp phần khôi phục sản xuất và ổn định đời sống nhân dân.

c) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Mức hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật
- + Điều 3. Mức hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật
- + Điều 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ
- + Điều 5. Tổ chức thực hiện
- + Điều 6. Điều khoản thi hành.

34. Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “3. *Việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương cho cấp tỉnh, cấp huyện,*

cấp xã theo quy định của các pháp luật chuyên ngành và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

Ngày 10/01/2022 Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó tại điểm m khoản 9 Điều 152 của Nghị định quy định: *“Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”*; tại điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 9 Điều 152 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định: *“Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.”*

Ngày 25/05/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 31/2023/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 11/7/2023) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, trong đó tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư quy định: *“Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”*.

Tại Điều 2 Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: *“Đối với nội dung chi và mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tại địa phương đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định cho đến khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyết nghị về nội dung và mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tại địa phương, nhưng tối đa không quá niên độ ngân sách nhà nước năm 2025 và bảo đảm phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư này.”*.

+ Cơ sở thực tiễn:

Hiện nay, Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của HĐND thành phố Cần Thơ về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, trong đó tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Sóc Trăng phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ về việc ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, trong đó có Quyết định số

07/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 94/2024/TT-BTC thì việc thực hiện nội dung chi và mức chi sự nghiệp môi trường tối đa không quá niên độ ngân sách nhà nước năm 2025. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện sau sắp xếp đơn vị hành chính thì việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Mục đích ban hành:

Phân định mức chi và phân định nhiệm vụ chi để các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ thực hiện đảm bảo thống nhất, đúng quy định.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường
- + Điều 3. Phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường
- + Điều 4. Mức chi
- + Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện
- + Điều 6. Tổ chức thực hiện
- + Điều 7. Hiệu lực thi hành.

35. Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức;

Căn cứ Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 4719/VBHN-BNG ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Bộ Ngoại giao về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2021/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 226/NQ-TT ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết luật của Quốc hội, nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;

+ Cơ sở thực tiễn

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 65/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế; trong đó, tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP, quy định: ***“Ngân sách địa phương bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nhằm thực hiện hợp tác quốc tế thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó”*** và Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế;

Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế: ***“Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”***.

Thời gian qua, trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã ký kết và triển khai thỏa thuận quốc tế với nhiều địa phương của các nước (từ tháng 7/2021 đến nay, trên địa bàn thành phố Cần Thơ các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ký kết hơn 20 thỏa thuận quốc tế); tuy nhiên, hiện nay thành phố Cần Thơ chưa có Nghị quyết cụ thể của địa phương về quy định nội dung, mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế, việc này làm cho các cơ quan, đơn vị không đủ cơ sở pháp lý để lập dự toán, thanh quyết toán các chế độ, chi phí liên quan trong công tác tham mưu ký kết và triển khai các thỏa thuận quốc tế. Ngày 24/01/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, là một

trong những Nghị quyết trụ cột, đột phá đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Lãnh đạo thành phố Cần Thơ cũng xác định hợp tác quốc tế là một trong những nội dung của 4 khâu đột phá nhiệm kỳ 2025 - 2030 của thành phố Cần Thơ. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đề ra chỉ tiêu thứ 28: “Ký kết ít nhất 05 thỏa thuận cấp thành phố với các địa phương, đối tác quốc tế”. Thành phố Cần Thơ là 1 trong 6 thành phố trực thuộc Trung ương, có Sân bay Quốc tế Cần Thơ, là cửa ngõ của Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Thành phố Cần Thơ phấn đấu đến năm 2030 trở thành một cực tăng trưởng của quốc gia, giữ vai trò động lực phát triển, lan tỏa, dẫn dắt cả vùng. Đến năm 2045, là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại, phấn đấu thuộc nhóm thành phố phát triển khá của Châu Á, trở thành thành phố đáng sống của Việt Nam, thành phố phát triển khá của Châu Á, trở thành thành phố đáng sống của Việt Nam. Vì vậy, trong thời gian tới, công tác đối ngoại ngày càng được tăng cường, đi vào chiều sâu, quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng, các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Cần Thơ sẽ ký kết nhiều thỏa thuận quốc tế nhằm phát huy vai trò của hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế, xã hội của thành phố.

Từ các cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành để áp dụng từ năm ngân sách 2026.

- Mục đích ban hành:

Quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ; làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị trong công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đảm bảo tính hiệu quả, đúng quy định.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Nội dung, mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế
- + Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện
- + Điều 5. Tổ chức thực hiện
- + Điều 6. Hiệu lực thi hành.

36. Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thưởng đối với huấn luyện

viên, vận động viên thể thao lập thành tích khi tham gia thi đấu tại các giải thể thao; mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Kết luận số 70-KL/TW ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới yêu cầu: *“Bổ sung, hoàn thiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, chăm sóc y tế, nhà ở, tiền lương, trợ cấp, ưu đãi khác đối với vận động viên, huấn luyện viên, nhân tài trong lĩnh vực thể dục, thể thao”; “Tập trung phát triển thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao, hoàn thiện hệ thống phát hiện, đào tạo vận động viên, thi đấu thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao trình độ quốc gia, quốc tế, nhất là các môn thể thao Olympic trọng điểm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, huấn luyện viên, cán bộ thể dục, thể thao đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới...”*

Căn cứ mục 6 phần III Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: *“Mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động thể thao quần chúng, cùng với việc đầu tư phát triển các môn thể thao mũi nhọn, thành tích cao; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút nguồn lực đầu tư xây dựng các thiết chế thể thao đạt tiêu chuẩn cấp vùng”;*

Căn cứ điểm b khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 nêu nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao: *“b) Quyết định chính sách, biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa tại địa phương; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao tại địa phương theo quy định của pháp luật;”*; điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 *“... quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”*; Căn cứ điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy

định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “*Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”; điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “*Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*”;

Căn cứ điểm b khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định:

“b) *Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn*;”;

“đ) *Thường trực Hội đồng nhân dân theo đề nghị của cơ quan trình quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân*; ...”.

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, quy định: “*Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027*”

Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ triển khai thực hiện Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Cần Thơ; trong đó, đề ra nhiệm vụ và giải pháp phát triển thể thao thành tích cao: “*Rà soát và điều chỉnh, sửa đổi và xây dựng các Nghị quyết, Quyết định, chương trình, quy định về cơ chế, chính sách, đầu tư, phát triển, thu hút, ưu đãi về cơ sở vật chất - kỹ thuật, hệ thống thiết chế thể dục thể thao, nhân lực, nhân tài trong hoạt động thể dục thể thao*”; “*ưu tiên đầu tư chế độ, chính sách đặc thù cho lực lượng huấn luyện viên, vận động viên mũi nhọn được tuyển chọn từ các môn thể thao chủ đạo, trọng điểm và một số môn thể thao xã hội hóa, tạo bước đột phá trong nâng cao thành tích thi đấu tại các giải vô địch, các kỳ Đại hội thể thao trong nước, khu vực Đông Nam Á, Châu Á, thế giới và Olympic*”.

+ Cơ sở thực tiễn:

Thể dục thể thao đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng, phát triển con người toàn diện. Trong đó, huấn luyện viên và vận động viên là những nhân tố trung tâm, trực tiếp tạo nên thành tích và truyền cảm hứng

cho vận động viên trong suốt quá trình tập luyện và thi đấu. Sự cống hiến của huấn luyện viên và vận động viên đòi hỏi một quá trình tập luyện khắc nghiệt, đối mặt với nhiều rủi ro chấn thương và thường có tuổi nghề ngắn. Do đó, việc xây dựng quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích khi tham gia thi đấu tại các giải thể thao; mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia là vô cùng quan trọng để thu hút, nuôi dưỡng và giữ chân tài năng, đảm bảo huấn luyện viên, vận động viên yên tâm cống hiến trong tập luyện, thi đấu thể thao và có nguồn thu nhập ổn định bằng sự lao động chân chính từ sự nghiệp thể thao, cải thiện cuộc sống cho bản thân, gia đình. Từ đó, góp phần vào sự phát triển bền vững của thể thao thành phố; sự quan tâm, kịp thời ban hành và triển khai thực hiện tốt quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích khi tham gia thi đấu tại các giải thể thao; mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia là tiền đề quan trọng để các huấn luyện viên, vận động viên gắn bó, phát huy tài năng thể thao bẩm sinh của bản thân góp phần đạt được những thành tích cao nhiều hơn nữa ở đấu trường quốc tế, quốc gia cho thành phố, đồng thời thúc đẩy phát triển mạnh mẽ phong trào tập luyện thể thao, rèn luyện sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân thành phố trong thời gian tới;

Hiện nay, thành phố Cần Thơ có 137 huấn luyện viên và 885 vận động viên. Hệ thống đào tạo vận động viên được tổ chức thống nhất từ tuyển cơ sở đến tuyển thành phố, gồm: hệ thống đào tạo vận động viên thể thao cơ sở, vận động viên năng khiếu, trẻ và tuyển cấp thành phố;

Mỗi năm, thành phố Cần Thơ cử khoảng 251 lượt huấn luyện viên, 1.300 lượt vận động viên tham dự 95 giải quốc gia, khu vực. Từ đó, chọn lựa những vận động viên xuất sắc, tập trung đội tuyển quốc gia, tham dự các giải thể thao quốc tế. Hằng năm, thành phố Cần Thơ cử khoảng 10 huấn luyện viên, 48 vận động viên tham dự 16 giải thể thao quốc tế, đạt từ 35 huy chương các loại;

Trên cơ sở ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố tại Báo cáo số 11/BC-BVHXXH ngày 15 tháng 9 năm 2025: *“tiếp tục rà soát các chính sách có liên quan đến huấn luyện viên, vận động viên do Hội đồng nhân dân 03 tỉnh, thành phố ban hành; đề xuất phương án tích hợp vào Nghị quyết này trình Hội đồng nhân dân thành phố”*; ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2378/BC-STP ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thể thao, các đại hội thể thao cấp khu vực và quốc gia, các giải thể thao các cấp của thành phố: *“Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết có đối tượng áp dụng, căn cứ pháp lý, chính sách đặc thù giống với: Nghị quyết quy định mức chi thưởng giải thể thao quốc tế và chế độ hỗ trợ; ưu đãi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành phố Cần Thơ (Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm*

2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ); Nghị quyết ban hành chính sách thu hút, hỗ trợ nguồn nhân lực thể thao thành tích cao thành phố Cần Thơ (Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ). Do đó, để đảm bảo khoa học, hợp lý, thống nhất, dễ hiểu, dễ áp dụng, thuận lợi trong việc cân đối ngân sách và tránh tình trạng chi trùng đối tượng, trùng nội dung, đề nghị gom chung các Nghị quyết thành 01 Nghị quyết”;

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát các chính sách có liên quan đến huấn luyện viên, vận động viên. Kết quả rà soát như sau:

Đối với Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi thưởng và chế độ hỗ trợ, ưu đãi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành phố Cần Thơ:

Thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, giai đoạn 2023 - 2025, thành phố Cần Thơ đã cử 29 lượt huấn luyện viên và 143 lượt vận động viên, tham dự 49 giải thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á và thế giới, thành tích đạt được 109 huy chương các loại: 47 Huy chương vàng (HCV), 24 Huy chương bạc (HCB), 33 Huy chương đồng (HCD), góp phần hoàn thành và vượt chỉ tiêu được giao hằng năm;

Đặc biệt, trong năm 2023 thành phố Cần Thơ cử 08 huấn luyện viên, 59 vận động viên (18 nữ) của các đội tuyển, trẻ, năng khiếu tham dự 18 giải quốc tế. Kết quả đạt 40 huy chương (15 HCV, 15 HCB, 10 HCD); có 98 vận động viên đẳng cấp quốc gia (61 kiện tướng, 37 cấp 1) và 17 vận động viên được hưởng chế độ đãi ngộ tài năng; 04 huấn luyện viên, 31 vận động viên được triệu tập đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia. Năm 2024, thành phố Cần Thơ cử 10 huấn luyện viên, 32 vận động viên (19 nữ) của các đội tuyển, trẻ, năng khiếu tham dự 15 giải quốc tế. Kết quả đạt 35 huy chương (17 HCV, 06 HCB, 12 HCD); có 121 vận động viên đẳng cấp quốc gia (62 kiện tướng, 59 cấp 1) và 15 vận động viên được hưởng chế độ đãi ngộ tài năng; 06 huấn luyện viên, 27 vận động viên được triệu tập đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia. Năm 2025, thành phố Cần Thơ cử 11 huấn luyện viên, 52 vận động viên (32 nữ) của các đội tuyển, trẻ, năng khiếu tham dự 16 giải quốc tế. Kết quả đạt 29 huy chương (15 HCV, 03 HCB, 11 HCD); có 95 vận động viên đẳng cấp quốc gia (41 kiện tướng, 54 cấp 1) và 19 vận động viên được hưởng chế độ đãi ngộ tài năng; 08 huấn luyện viên, 30 vận động viên được triệu tập đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia;

Trên cơ sở các quy định của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, vai trò quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng được tăng cường, đã thực sự góp phần vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành thể thao. Công tác khen thưởng huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải

thể thao kịp thời, thường xuyên, góp phần động viên tinh thần cho đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên tích cực trong tập luyện và thi đấu; đây cũng là nguồn động viên, khích lệ tinh thần và tạo được sự an tâm cho huấn luyện viên, vận động viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung cho Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Vì vậy, chính sách này còn phù hợp và cần được kế thừa, duy trì cho những năm tiếp theo và cần thiết quy định áp dụng cho lực lượng huấn luyện viên, vận động viên thành phố Cần Thơ sau sáp nhập, tạo sự thống nhất, công bằng;

Sau sáp nhập, Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ tiếp tục còn hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính của thành phố Cần Thơ (cũ) theo tinh thần Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thông qua danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng. Tuy nhiên, việc tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ chỉ là giải pháp tạm thời trong khi chờ Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Nghị quyết mới để áp dụng thống nhất cho chính quyền địa phương hai cấp sau sắp xếp;

Nếu không kịp thời ban hành chính sách mới thay thế để áp dụng cho thành phố Cần Thơ (mới) sẽ ảnh hưởng đến tâm lý thi đấu của vận động viên, không công bằng, không thống nhất trong chính sách, cùng là vận động viên của thành phố Cần Thơ thi đấu đạt thành tích nhưng vận động viên thuộc Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ (cũ) thì được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND; các huấn luyện viên, vận động viên thuộc tỉnh Hậu Giang (cũ) và tỉnh Sóc Trăng (cũ) chưa có quy định về chế độ chi thưởng quốc tế và hỗ trợ ưu đãi nên không được hưởng chế độ.

Sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát, thống kê Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ chưa có chính sách quy định mức chi thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thể thao, các đại hội thể thao cấp quốc gia, khu vực các giải thể thao các cấp của thành phố theo quy định của pháp luật (trước đây, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có quy định việc chi thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia, khu vực, giải thể thao các cấp của thành phố nhưng đến nay không còn hiệu lực áp dụng).

Chưa có quy định chi thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thể thao, các đại hội thể thao cấp quốc gia, khu vực các giải thể thao các cấp của thành phố sẽ ảnh hưởng đến công tác tổ chức các giải thể thao các cấp của thành phố và công tác tham dự giải thể thao quốc gia; thành phố chưa có chế độ chi thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia, khu vực sẽ ảnh hưởng đến tinh thần thi đấu

của vận động viên (vì hiện nay các huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại giải quốc gia, khu vực chỉ nhận được Giấy chứng nhận và huy chương từ Ban Tổ chức giải, không nhận được tiền thưởng, mà tiền thưởng theo quy định do từng địa phương chi); huấn luyện viên, vận động viên của thành phố sẽ bị thiệt thòi so với các địa phương khác (các địa phương hầu hết đều có quy định chi thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên tại giải quốc gia, khu vực), ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của huấn luyện viên, vận động viên trong quá trình tập luyện, thi đấu;

Việc chi thưởng sẽ tạo được động lực, khuyến khích các huấn luyện viên, vận động viên cố gắng tập luyện giành thành tích cao tại các giải, góp phần thúc đẩy sự nghiệp thể thao ngày càng phát triển mạnh mẽ;

Việc khen thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao do thành phố Cần Thơ tổ chức là một nội dung quan trọng trong công tác tổ chức giải của thành phố, đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành thể thao nhằm tạo ra những hoạt động thể thao phục vụ cho nhân dân; thông qua việc tổ chức các giải thi đấu thể thao đã góp phần tăng cường sức khỏe, hoàn thiện thể chất và kỹ năng vận động, hình thành những đặc điểm tâm lý nhân cách, nâng cao các giá trị chuẩn mực về đạo đức, tinh thần, ý chí; đáp ứng nhu cầu vận động, giải trí, nghỉ ngơi lành mạnh, phục hồi sức khỏe và giao lưu thể thao; góp phần tập hợp và giáo dục quần chúng về ý thức chính trị, văn hóa, xã hội, tạo môi trường xã hội văn minh và tiến bộ;

Chưa có quy định chi thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thể thao, các đại hội thể thao cấp quốc gia, khu vực các giải thể thao các cấp của thành phố ảnh hưởng đến công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành lĩnh vực thể dục thể thao bị ảnh hưởng, đặc biệt là các phong trào, các cuộc vận động: “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; tháng hoạt động thể dục thể thao cho mọi người và ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân trên địa bàn thành phố rất khó triển khai thực hiện;

Ngoài ra, việc bổ sung chính sách quy định chi thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các Đại hội thể thao, giải thể thao quốc gia, khu vực và các giải thể thao do thành phố tổ chức là rất cần thiết. Nếu không kịp thời ban hành chính sách để áp dụng cho thành phố Cần Thơ (mới) dẫn đến việc thiếu cơ chế chính sách phát triển đồng bộ của ngành thể thao trên địa bàn thành phố, ảnh hưởng lớn đến công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động thể thao theo định hướng, chỉ đạo của cấp trên và thực hiện việc tổ chức các hoạt động thể thao chào mừng phục vụ các ngày lễ trọng đại của đất nước của thành phố và ảnh hưởng sâu, rộng đến việc phát triển phong trào thể thao tại địa phương. Đặc biệt là công tác chỉ đạo tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp xã tiến tới Đại hội Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ lần thứ X năm 2026 và công tác tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh của Đoàn Thể thao thành phố Cần Thơ theo Quyết định số

2676/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Việc thực hiện chính sách không đồng bộ trong cùng một đơn vị hành chính đã, đang và sẽ mang đến những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến ngành thể thao thành phố Cần Thơ nếu không kịp thời ban hành Nghị quyết chung, thống nhất và đồng bộ, cụ thể:

Không công bằng trong việc triển khai, thực hiện chế độ chính sách. Hiện nay, cùng là huấn luyện viên, vận động viên của thành phố Cần Thơ nhưng chỉ có huấn luyện viên, vận động viên thuộc phạm vi đơn vị hành chính của thành phố Cần Thơ (cũ) được áp dụng các chế độ chính sách theo tinh thần Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, trong khi huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh Hậu Giang (cũ) và tỉnh Sóc Trăng (cũ) không được áp dụng. Điều này dẫn đến tình trạng bất bình đẳng trong việc thực hiện cơ chế chính sách, thiếu sự công bằng giữa các huấn luyện viên, vận động viên sau khi sáp nhập đơn vị hành chính (trong cùng đơn vị hành chính mới nhưng vẫn còn phân biệt theo địa phương cũ trước khi sáp nhập), về lâu dài dễ mất đoàn kết nội bộ, khó khăn trong việc chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao về công tác thể thao;

Tâm lý bất an, so bì, thiếu động lực; sự khác biệt chính sách tạo ra tâm lý so sánh giữa huấn luyện viên, vận động viên; vận động viên tài năng có thể mất động lực phấn đấu, thậm chí tìm cách chuyển sang địa phương khác có chế độ ưu đãi cao hơn, tình trạng này tiềm ẩn nguy cơ “chảy máu” nhân lực thể thao;

Ảnh hưởng đến sự đoàn kết, ổn định lực lượng; chế độ chi thưởng và hỗ trợ chênh lệch làm suy giảm sự gắn kết tập thể; nguy cơ mất ổn định nội bộ càng lớn khi các địa phương đã sáp nhập thành một đơn vị hành chính mới nhưng vẫn duy trì chính sách riêng của từng địa phương (cũ), gây ra bất ổn trong quản lý lực lượng;

Cản trở công tác huấn luyện và chuẩn bị lực lượng; chính sách riêng lẻ làm nảy sinh khó khăn trong việc tập trung, điều động và phân bổ lực lượng. Điều này tác động trực tiếp đến kế hoạch đào tạo, chuẩn bị lực lượng vận động viên cho Đại hội Thể thao toàn quốc năm 2026 và chiến lược dài hạn tham dự các giải thể thao quốc gia, quốc tế;

Nguy cơ suy giảm thành tích và uy tín thể thao địa phương; khi vận động viên thiếu động lực và huấn luyện viên giảm nhiệt huyết, chất lượng tập luyện, thi đấu sẽ suy giảm, thành tích tại các giải quốc gia và quốc tế có thể đi xuống, ảnh hưởng đến uy tín không chỉ của từng khu vực mà cả của đơn vị hành chính mới sau sáp nhập.

Từ những cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, nhằm bảo đảm tính liên tục, thống nhất trong quản lý nhà nước, việc xây dựng Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích khi

tham gia thi đấu tại các giải thể thao; mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia là rất cần thiết và cấp bách.

- Mục đích ban hành

Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích khi tham gia thi đấu tại các giải thể thao; mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia nhằm đảm bảo quyền lợi cho huấn luyện viên, vận động viên, phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn, góp phần hình thành một nền tảng pháp lý đồng bộ, thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, công tác đào tạo, huấn luyện và chuẩn bị lực lượng tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc năm 2026 và các giai đoạn tiếp theo; đồng thời, góp phần phát triển phong trào thể thao của thành phố;

Đảm bảo sự công bằng, đoàn kết, ổn định tâm lý cho lực lượng huấn luyện viên, vận động viên của thành phố, tạo động lực cống hiến và phấn đấu.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích khi tham gia thi đấu tại các giải thể thao; mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia, gồm 06 điều, cụ thể:

- + Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích khi tham gia thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể thao
- + Điều 3. Mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia
- + Điều 4. Kinh phí thực hiện
- + Điều 5. Trách nhiệm thi hành
- + Điều 6. Hiệu lực thi hành.

37. Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định chính sách hỗ trợ mức quà tặng, chi phí hỗ trợ tham quan, điều dưỡng tập trung cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và mức quà tặng đối với một số đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026 – 2030

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Nhằm thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác thực hiện đền ơn đáp nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 ban hành quy định chính sách hỗ trợ mức quà tặng cho một số đối tượng người có công với cách mạng và một số đối tượng khác nhân dịp các ngày Lễ, Tết, ngày kỷ niệm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 quy định mức chi quà tặng tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7); chi phí cho đối tượng đi điều dưỡng tập trung, tỉnh Sóc Trăng. Các Nghị quyết này đã được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ thời gian qua.

Đến ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tại khoản 19 Điều 1 quy định “19. *Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...*”. Tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 quy định “*b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;*”.

Căn cứ khoản 7, khoản 9 Điều 171 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng quy định:

“Điều 171. Ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây: ...

7. Chi phí đưa đón đối tượng đi điều dưỡng tập trung, chi phí ăn, ở (nếu có) phát sinh trong thời gian đi đường (đi và về) của đối tượng đi điều dưỡng tập trung.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

quyết định mức chi chế độ điều dưỡng cao hơn mức chi chế độ điều dưỡng từ nguồn ngân sách trung ương và hỗ trợ phần chênh lệch cao hơn từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật. ...

9. Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân của người có công với cách mạng do địa phương ban hành: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và bảo đảm kinh phí thực hiện.”

Đồng thời, tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

+ Cơ sở thực tiễn

Sau khi sắp xếp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, thành phố Cần Thơ (mới) có nhiều thay đổi lớn về phạm vi quản lý, tăng số lượng người có công và thân nhân người có công. Những thay đổi này ảnh hưởng việc tiếp tục áp dụng các Nghị quyết do chính quyền địa phương cũ ban hành không còn phù hợp với thực tiễn hiện tại, dẫn đến nguy cơ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước và công tác thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, an sinh, phúc lợi xã hội trên địa bàn thành phố. Đồng thời, việc duy trì các quy định không thống nhất sẽ gây khó khăn trong công tác phối hợp, tham mưu giữa các cơ quan, đơn vị; ảnh hưởng đến hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã.

Nhằm tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về an sinh và phúc lợi xã hội. Trong đó, hướng đến thực hiện tốt chính sách ưu đãi, chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng và gia đình họ. Trên cơ sở triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương, cụ thể: nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn của thành phố và thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước đối với người có công với cách mạng cùng với công tác chăm lo đời sống tinh thần như tổ chức đưa người có công với cách mạng đi tham quan, điều dưỡng, thăm hỏi, tặng quà cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ nhân các dịp Lễ, Tết, ngày kỷ niệm, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng, đảm bảo gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú.

Sau khi thành phố Cần Thơ mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập giữa thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng nhân dân thành

phổ cần khẩn trương xây dựng và ban hành một Nghị quyết mới nhằm thay thế hai nghị quyết cũ của từng địa phương trước đó để bảo đảm tính hợp lý, hiệu lực và khả thi trong công tác tổ chức, quản lý. Việc sáp nhập đã làm thay đổi cơ bản về đơn vị hành chính, địa giới, quy mô và tên gọi, vì thế các nghị quyết cũ không còn phù hợp với phạm vi quản lý hiện nay. Do đó, Nghị quyết mới là cần thiết để thay thế các quy định không còn tương thích và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương tạo sự chuyển biến, nâng cao chất lượng cuộc sống cho các đối tượng.

Từ những cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên thì việc trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết ban hành quy định chính sách hỗ trợ mức quà tặng cho người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng nhân dịp các ngày Lễ, Tết, ngày kỷ niệm; chi phí hỗ trợ cho người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng đi tham quan, điều dưỡng tập trung trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và có cơ sở.

- Mục đích ban hành:

Ban hành quy định chính sách hỗ trợ mức quà tặng cho người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng nhân dịp các ngày Lễ, Tết, ngày kỷ niệm; chi phí hỗ trợ cho người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng đi tham quan, điều dưỡng tập trung trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm tiếp tục triển khai tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về an sinh xã hội, tạo điều kiện để người có công với cách mạng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; đồng thời thông qua cơ chế, chính sách hỗ trợ, thể hiện sự quan tâm, tri ân của thành phố đến với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và một số đối tượng chính sách khác.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định chính sách hỗ trợ mức quà tặng, chi phí hỗ trợ tham quan, điều dưỡng tập trung cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và mức quà tặng đối với một số đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026 - 2030, gồm 03 điều, cụ thể:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ mức quà tặng, chi phí hỗ trợ tham quan, điều dưỡng tập trung cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và mức quà tặng đối với một số đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026 – 2030

+ Điều 2. Tổ chức thực hiện

+ Điều 3. Hiệu lực thi hành.

38. Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định chính sách hỗ trợ người dạy tiếng và chữ Khmer; tiếng và chữ Hoa trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc đã nêu: *“Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất”*;

Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới đã xác định một số nhiệm vụ cần chú trọng, trong đó có nhiệm vụ: *“Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc...”*;

Khoản 3 Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me trong tình hình mới đã nêu: *“... quan tâm công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Khơ-me...”*;

Thông báo kết luận số 31-TB/TU ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Cần Thơ về việc kết luận của tập thể Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất chủ trương xây dựng quy định chính sách đặc thù hỗ trợ người dạy tiếng, chữ Khmer vào dịp hè; tiếng và chữ Hoa tại các trường ngoài hệ thống trường công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2025 - 2030;

Khoản 2 Điều 11 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: *“Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của Chính phủ;...”*;

Điểm d khoản 2 Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi giao Ủy ban nhân

dân các tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số: “*Chủ động nghiên cứu ban hành và thực hiện các chế độ khuyến khích đối với người dạy và người học tiếng dân tộc thiểu số ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính*”;

Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc quy định: “*Tiếng nói, chữ viết và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được đưa vào chương trình giảng dạy trong các trường phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học phù hợp với địa bàn vùng dân tộc*” và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP quy định: “*Hỗ trợ việc giữ gìn và phát triển chữ viết của các dân tộc có chữ viết. Các dân tộc thiểu số có trách nhiệm gìn giữ văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với quy định của pháp luật*”;

Khoản 8 Điều 15 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2005 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “*Quyết định biện pháp để thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo; biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, ...*”;

Điểm b, c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2007) quy định Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết để quy định: “*Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương...*”.

+ Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, việc tổ chức các lớp dạy tiếng và chữ dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố đã mang lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số; số lượng lớp học và học sinh học chữ Khmer vào dịp hè và chữ Hoa tại các trường ngoài hệ thống trường công lập ngày càng tăng, chất lượng ngày càng được nâng cao, cụ thể:

Tại tỉnh Sóc Trăng (cũ): Thực hiện Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về chính sách đặc thù hỗ trợ người dạy tiếng và chữ Khmer vào dịp hè; tiếng và chữ Hoa tại các trường ngoài hệ thống trường công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND), giai đoạn 2020 - 2024 toàn tỉnh có 86/93 Chùa tổ chức dạy chữ Khmer vào dịp hè với tổng số 1.258 lớp, có 1.258 các vị sư, Achar, giáo viên tham gia giảng dạy và 30.532 em theo học; tổng kinh phí hỗ trợ dạy chữ Khmer là 9.430.560.000 đồng. Đối với việc dạy tiếng Hoa, giai đoạn 2020 - 2024 có 04 trường tổ chức 168 lớp, có 155 giáo viên

tham gia giảng dạy với 5.221 em theo học; tổng kinh phí hỗ trợ là 2.525.520.000 đồng;

Tại thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang (cũ): Hầu hết việc dạy tiếng và chữ Khmer vào dịp hè được tổ chức các Chùa. Tuy nhiên, các hoạt động này được duy trì nhờ vào sự đóng góp tự nguyện của Nhà chùa, quý sư sãi, thầy cô, Phật tử, mạnh thường quân và đồng bào dân tộc thiểu số (không có chính sách đặc thù riêng để hỗ trợ người dạy chữ dân tộc thiểu số), qua đó thể hiện sự chung tay của Nhà chùa, sư sãi, nhà trường, thầy cô, Phật tử, đồng bào dân tộc thiểu số trong việc bảo tồn ngôn ngữ, tiếng nói chữ viết, văn hóa dân tộc thiểu số, đồng thời tạo không gian sinh hoạt, học tập lành mạnh cho các em học sinh trong dịp hè.

Thành phố Cần Thơ (mới), có tổng dân số 3.224.937 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 15,33% với 494.404 người (dân tộc Khmer có 411.164 người, dân tộc Hoa có 82.197 người, các dân tộc khác 1.043 người). Qua rà soát, hiện nay trên địa bàn thành phố có 110/120 Chùa Khmer và nhiều điểm (Nhà văn hóa, trường học, nhà dân,...) tổ chức dạy chữ Khmer vào dịp hè; có 05 trường ngoài hệ thống trường công lập tổ chức dạy chữ Hoa.

Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng hết hiệu lực từ năm học 2025 - 2026 nên các đối tượng tham gia giảng dạy chữ Khmer và chữ Hoa không còn được tiếp tục hỗ trợ kinh phí, ảnh hưởng đến việc duy trì tổ chức các lớp học cũng như công tác giảng dạy tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người dạy tiếng và chữ Khmer; tiếng và chữ Hoa trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết và chính đáng, vừa góp phần duy trì và phát huy tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố, vừa đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Mục đích ban hành:

Tiếp tục có chính sách hỗ trợ phù hợp cho người dạy tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số, góp phần thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc bảo tồn, duy trì và phát huy tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định chính sách hỗ trợ người dạy tiếng và chữ Khmer; tiếng và chữ Hoa trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, gồm 06 điều, cụ thể:

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- + Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện, phương thức hỗ trợ
- + Điều 3. Nội dung chính sách
- + Điều 4. Kinh phí thực hiện
- + Điều 5. Tổ chức thực hiện
- + Điều 6. Hiệu lực thi hành.

39. Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ khoản 4 Điều 220 Luật Đất đai năm 2024 Quốc hội giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 220 Luật Đất đai, quy định khác của pháp luật có liên quan và phong tục, tập quán tại địa phương để quy định cụ thể điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất.

+ Cơ sở thực tiễn:

Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 220 Luật Đất đai, thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định điều kiện tách thửa, hợp thửa và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất; Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2024 quy định về điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định về hạn mức giao đất, công nhận đất ở, nhận chuyển quyền sử dụng đất; điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất và xử lý các trường hợp thửa đất có đất ở đã được cấp giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV họp và thống nhất ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 với nội dung: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ. Sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 6.360,83km², quy mô dân số là 4.199.824 người”.

Tại khoản 20 Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định: “20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54 như sau: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

Do đó, nhằm quy định chi tiết, đầy đủ các điều, khoản mà Luật Đất đai đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để áp dụng chung cho thành phố Cần Thơ sau sáp nhập, đảm bảo công tác quản lý đất đai được chặt chẽ, thống nhất trong toàn thành phố Cần Thơ sau sáp nhập, việc ban hành “Quyết định quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ” là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Cụ thể hóa quy định tại khoản 4 Điều 220 Luật Đất đai năm 2024 Quốc hội giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 220 Luật Đất đai, quy định khác của pháp luật có liên quan và phong tục, tập quán tại địa phương để quy định cụ thể điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai; tạo hành lang pháp lý cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, quản lý và sử dụng đất, thực hiện tách thửa đất, hợp thửa đất theo quy định, giải quyết các vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện thủ tục tách thửa đất, hợp thửa đất trong thời gian qua.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu tách thửa đất quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 220 Luật Đất đai
- + Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan
- + Điều 5. Quy định chuyển tiếp

+ Điều 6. Hiệu lực thi hành

+ Điều 7. Tổ chức thực hiện.

40. Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đặt ra yêu cầu có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới bảo đảm an toàn và cùng có lợi. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đặt ra yêu cầu ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ ươm tạo phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển và chuyển giao các công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; khẩn trương triển khai các chính sách hỗ trợ về nghiên cứu phát triển, đào tạo, tư vấn, xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ,...

Các văn bản này thể hiện rõ quan điểm, chủ trương xuyên suốt của Đảng và Nhà nước về việc hoàn thiện thể chế, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển giao công nghệ.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại địa phương”.

Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

“.....

...

b) Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14:

“2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bên cạnh đó, công tác quản lý công nghệ tại địa phương trong thời gian qua vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập và khó khăn, cụ thể như sau:

Công tác thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố chưa được thực hiện chặt chẽ, vẫn còn một số vướng mắc do quy định pháp luật chưa cụ thể và đồng bộ.

Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2018), đến nay chưa có Nghị định hoặc Thông tư hướng dẫn chi tiết liên quan đến nội dung thẩm định, nội dung chi, định mức chi và nguồn kinh phí thực hiện cho công tác thẩm định, ngoài quy định chung là được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước.

Chưa có quy định đối với dự án đầu tư có công nghệ không thuộc các trường hợp thẩm định nhưng có yêu cầu từ tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ.

Chưa quy định về phân công, phân cấp rõ trách nhiệm trong công tác thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư. Chưa xác định rõ cơ quan chuyên ngành, lĩnh vực có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ đối với các dự án đầu tư.

Về thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:

Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Tại điểm c, khoản 2, Điều 14 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 “Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” có thẩm quyền “thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao, dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao”, tại điểm c, khoản 3, Điều 14 “Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” có thẩm quyền “thẩm định hoặc có ý kiến về

công nghệ đối với dự án đầu tư có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ”.

Trong giai đoạn quyết định đầu tư: Tại điểm c, khoản 1, Điều 15 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 “Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực” có thẩm quyền “thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác”.

Kinh phí tổ chức lấy ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư được thực hiện như sau:

Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước;

Trong giai đoạn quyết định đầu tư do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư.

+ Cơ sở thực tiễn:

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc ban hành Quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Quy định đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc quản lý, giám sát và kiểm soát hoạt động chuyển giao, ứng dụng công nghệ trong các dự án đầu tư, giúp các cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ đúng thẩm quyền, minh bạch và hiệu quả. Thẩm định và quản lý công nghệ hiệu quả giúp hạn chế việc áp dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, đồng thời khuyến khích đầu tư công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Theo đó, thành phố Cần Thơ (mới) được thành lập trên cơ sở sáp nhập thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng. Trước khi sắp xếp, chỉ có thành phố Cần Thơ ban hành Quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư.

Từ các cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ (sau sáp nhập) là hết sức cần thiết. Quy định này nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ và hiệu lực trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giao và thẩm định công nghệ, phù hợp với cơ cấu tổ chức và phạm vi quản lý mới của thành phố.

- Mục đích ban hành:

Triển khai cụ thể hóa quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hoạt động chuyển giao công

nghệ, thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố theo các quy định của pháp luật và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn quản lý.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Điều 2. Hiệu lực thi hành

+ Điều 3. Trách nhiệm thi hành

41. Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý:**

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

+ **Cơ sở thực tiễn:**

Trên địa bàn thành phố Cần Thơ hiện nay, mạng lưới các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng (sau đây gọi chung là cơ sở kinh doanh Internet) phát triển khá rộng khắp, đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng Internet của người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, công tác quản lý hoạt động của các cơ sở kinh doanh Internet, đặc biệt là nhóm cơ sở không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử, vẫn còn một số tồn tại, bất cập, cụ thể:

Về công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội: Việc một số cơ sở kinh doanh Internet hoạt động tự do về thời gian, đặc biệt vào ban đêm, có thể tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân xung quanh.

Bảo vệ quyền lợi và sức khỏe cộng đồng: Việc quy định khung giờ hoạt động hợp lý góp phần hạn chế tình trạng người sử dụng, đặc biệt là thanh thiếu niên, sử dụng Internet quá khuya, ảnh hưởng đến sức khỏe, học tập và lao động.

Tạo sự bình đẳng trong kinh doanh: Việc áp dụng chung một khung giờ hoạt động thống nhất sẽ tạo sự bình đẳng giữa các cơ sở kinh doanh, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh.

Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước: Hiện nay, sau khi sáp nhập trên địa bàn thành phố chưa có quy định cụ thể về thời gian hoạt động đối với nhóm đối tượng này. Việc ban hành văn bản sẽ khắc phục khoảng trống pháp lý, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra.

Căn cứ khoản 4 Điều 5 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định các biện pháp về thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động Internet, đảm bảo trật tự xã hội, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và quyền lợi người dùng. Sở Khoa học và Công nghệ kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét ban hành Quyết định quy định thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ thay thế Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định về thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định việc quản lý, cung cấp dịch vụ Internet và trò chơi điện tử công cộng.

- Mục đích ban hành:

Quy định về thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ; trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử
- + Điều 3. Hiệu lực thi hành
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện.

42. Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định nhiệm vụ, giải pháp “***Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ***”.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, quy định:

“Điều 13. Phân cấp

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp”.

Căn cứ khoản 2 Điều 45 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm

vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước, quy định:

“Điều 45. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

....

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ban hành các quy định cụ thể thuộc phạm vi, thẩm quyền và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan để phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương”.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017, quy định:

“Điều 26. Tổ chức thực hiện

...

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có thể vận dụng hướng dẫn tại Thông tư này để ban hành quy định các quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp bộ, tỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình”.

+ Cơ sở thực tiễn:

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”.

Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

Như vậy, thực tiễn sau sáp nhập thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng thành thành phố Cần Thơ (mới), để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp thì việc xây dựng Quyết định nêu trên là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước được xây dựng nhằm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Phân cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố
- + Điều 4. Giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành
- + Điều 6. Trách nhiệm thi hành.

43. Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước đây được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và áp dụng trên phạm vi toàn quốc (*Thông tư số 14/2017/TT-BTNBMT ngày 20/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*). Tuy nhiên, đến nay Thông tư này đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 20/2024/TT-BTNMT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ một số văn bản quy phạm

pháp luật trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, liên tịch ban hành.

Tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp đối với những danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước các bộ, cơ quan trung ương không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý để thực hiện tại địa phương”*.

Tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *“2. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp đối với những danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước các bộ, cơ quan trung ương không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý để thực hiện tại địa phương”*.

Tại điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2015/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định *“a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”*.

Từ những cơ sở nêu trên, việc Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là cần thiết đảm bảo đúng thẩm quyền.

+ Cơ sở thực tiễn:

Triển khai Luật đất đai năm 2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công. Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 6647/BTNMT-QHPTTND ngày 20/9/2024 gửi Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý đất đai tại địa phương.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Cần Thơ chưa có quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất làm cơ sở để xác định đơn giá, giá dịch vụ, dự toán theo các quy trình xây dựng năm 2025 và các năm tiếp theo, do đó Ủy ban nhân dân thành phố đã có Công văn 470/UBND-KT, ngày 06/8/2025 của UBND thành phố Cần Thơ về việc phân công xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Căn cứ nguyên tắc xây dựng Định mức quy định tại khoản 1, Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT: *“Tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, quy trình kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành đối với một quá trình sản xuất, tạo ra sản phẩm và đáp ứng yêu cầu chung về kết cấu của các loại định mức; đảm bảo tính **tiên tiến**, tính thống nhất và **tính kế thừa** (nếu có)”* và căn cứ vào phương pháp xây dựng Định mức theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT: *“Tùy theo tính chất công việc cụ thể, tùy theo loại sản phẩm cụ thể, năng lực chuyên môn của tổ chức, cá nhân xây dựng định mức mà quyết định đồng thời hoặc một trong các phương pháp xây dựng định mức”*, Trên cơ sở nguyên tắc và phương pháp xây dựng Định mức, Sở Nông nghiệp và Môi trường xét thấy từ thời điểm Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 đến nay các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tính toán, xác định khối lượng công việc, mức khó khăn, các hao phí lao động, công cụ, dụng cụ, vật liệu, năng lượng để thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể trong quá trình thực hiện không có sự thay đổi nhiều và vẫn phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Do vậy, Sở Nông nghiệp và Môi trường kế thừa các Định mức của công việc, sản phẩm tương đồng đã được quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT và đã được áp dụng ổn định trong thời gian qua trên địa bàn thành phố để xây dựng dự thảo Định mức kinh tế - kỹ thuật.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật là cơ sở để xác định đơn giá, giá dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai,

tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

- Mục đích ban hành:

Việc hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ là nhằm quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất để phục vụ cho việc xây dựng đơn giá, giá dịch vụ, dự toán theo các quy trình xây dựng về đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2025 và các năm tiếp theo.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Điều 2. Hiệu lực thi hành

+ Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

+ Điều 4. Trách nhiệm thi hành.

44. Quyết định số 49/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Đất đai số 31/QH/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.

Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ Về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Cơ sở thực tiễn:

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trước đây được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành và áp dụng trên phạm vi toàn quốc (Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai).

Tuy nhiên, đến nay các Thông tư này đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 20/2024/TT-BTNMT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

trường bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, liên tịch ban hành.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới chưa ban hành quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Qua rà soát trước sáp nhập, tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 53/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Cần Thơ cũ và tỉnh Sóc Trăng chưa ban hành.

Theo quy định tại điểm b Khoản 20 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025:

“20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54 như sau:

“2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính nào thì có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó và phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản đó. Trường hợp có sự thay đổi về địa giới đơn vị hành chính thì hiệu lực về không gian và đối tượng áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật được xác định như sau:

...

*b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để **quyết định việc áp dụng** hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc **ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới**;”*

Do hiện tại đơn vị hành chính mới không còn cấp huyện và đồng thời quy mô đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh mới có nhiều thay đổi so với trước đây nên đối với Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới không thể áp Quyết định do tỉnh Hậu Giang cũ đã ban hành.

Vì vậy, việc Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết, đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi

thường xuyên (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ) quy định **trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**: “b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định này. **Trường hợp đối với những danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước các bộ, cơ quan trung ương không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý để thực hiện tại địa phương**” và Công văn số 667/BTNMT-QHPTTND ngày 20/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý đất đai tại địa phương.

- Mục đích ban hành:

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ làm cơ sở để xác định đơn giá sản phẩm, dự toán kinh phí xây dựng CSDL đất đai, làm căn cứ giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm hoàn thành trong thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực đất đai bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 49/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Điều 2. Hiệu lực thi hành

+ Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

+ Điều 4. Tổ chức thực hiện.

45. Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH1S;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13:

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng,

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng:

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng và Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi

phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1658/UBND-XDĐT ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc xây dựng các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó có Quyết định ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Cơ sở thực tiễn:

Hiện tại trên địa bàn thành phố Cần Thơ cũ và tỉnh Sóc Trăng cũ vẫn còn áp dụng định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù được ban hành theo Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Riêng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang cũ không có ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù.

Thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội thì qua rà soát, Sở Xây dựng nhận thấy việc áp dụng 02 quyết định như trên vào việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới chưa đảm bảo cơ sở pháp lý để thực hiện. Vì vậy, Sở Xây dựng đã khẩn trương tổ chức xây dựng dự thảo Quyết định mới và đã thực hiện lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành để áp dụng chung cho toàn địa bàn thành phố Cần Thơ sau sáp nhập và bãi bỏ 02 văn bản quy phạm pháp luật cũ do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và tỉnh Sóc Trăng đã ban hành, trong đó nội dung của quyết định mới để thay thế chỉ thực hiện việc cập nhật lại toàn bộ định mức dự toán đã được ban hành trước đó tại 02 quyết định nêu trên.

Trên cơ sở được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tại Công văn 1658/UBND-XDĐT ngày 07/10/2025 về việc xây dựng các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó có Quyết định ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm đảm bảo việc áp dụng định mức dự toán trên địa bàn thành phố được thực hiện liên tục, kịp thời, tránh gián đoạn, đồng thời đảm bảo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của thành phố phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn địa phương. Vì vậy, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật là hết sức cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Quyết định được ban hành sẽ cập nhật lại toàn bộ các định mức dự toán đã được thành phố Cần Thơ cũ và tỉnh Sóc Trăng cũ ban hành theo Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng làm cơ sở pháp lý để các tổ chức, cá nhân

có liên quan sử dụng, tham khảo trong việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

+ Điều 2. Đối tượng áp dụng

+ Điều 3. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Điều 4. Hiệu lực thi hành

+ Điều 5. Trách nhiệm thi hành.

46. Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý:**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, luật đầu tư công, Luật quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết 1668/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

+ Cơ sở thực tiễn:

Ngày 15 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 153/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025). Trong đó tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng được quy định trong Nghị định số 153/2025/NĐ-CP có bổ sung về cách xác định xe ô tô chuyên dùng, thẩm quyền quyết định, cụ thể:

Tại điểm b khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 2 Điều 2 Nghị định 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ) quy định:

“2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định này:...

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.”

Hiện nay, Thành phố Cần Thơ đã được sáp nhập trên cơ sở 03 tỉnh (Thành phố Cần Thơ cũ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng). Để phù hợp với Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; đồng thời, thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp; Bên cạnh đó, các Quyết định quy định số lượng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng của thành phố Cần Thơ cũ, tỉnh Hậu Giang cũ và tỉnh Sóc Trăng cũ không còn phù hợp.

Do đó, Sở Tài chính xây dựng dự thảo Quyết định trên cơ sở kế thừa có cập nhật nội dung các Quyết định của thành phố Cần Thơ cũ, tỉnh Hậu Giang cũ và tỉnh Sóc Trăng cũ. Sở đã cập nhật tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ) và đã thực hiện lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại Công văn số 1882/STC-QLG-CS ngày 15 tháng 9 năm 2025, trong đó các cơ quan, tổ chức, đơn vị đều thống nhất với nội dung dự thảo.

Từ các cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ theo trình tự, thủ tục rút gọn là rất cần thiết và đúng theo quy định của pháp luật.

- Mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố hiện nay khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách, giao, mua sắm, bố trí và xử lý xe ô tô theo quy định.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng
- + Điều 3. Tổ chức thực hiện
- + Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành
- + Điều 6. Trách nhiệm thi hành.

47. Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về điều kiện, tiêu chí quy mô, tỷ lệ diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý để tách thành dự án độc lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật

Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Công văn số 470/UBND-KT ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ V/v phân công xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

Theo khoản 3 Điều 59 Nghị định 102/2024/NĐ-CP quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập...”. Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có thẩm quyền ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý để tách thành dự án độc lập. Do vậy, việc Sở Tài chính tham mưu soạn thảo dự thảo Quyết định nêu trên trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành là phù hợp thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Cơ sở thực tiễn:

Trong quá trình tham mưu, thẩm định các dự án đầu tư trên địa bàn, có nhiều trường hợp khu vực đề xuất có đất đan xen: một phần do Nhà nước quản lý, phần còn lại không do Nhà nước quản lý (đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân). Sự đan xen này làm lúng túng khi xác định phạm vi dự án, trình tự thủ tục đất đai, cơ chế lựa chọn nhà đầu tư.

Thực tiễn địa phương trước khi sắp xếp đơn vị hành chính đã có khung tham chiếu:

Thành phố Cần Thơ (cũ) ban hành Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ tách diện tích đất thành dự án độc lập. Tỉnh Hậu Giang (cũ) ban hành Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 với nội dung tương tự áp dụng trên phạm vi tỉnh.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính, theo đó thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang được sắp xếp thành thành phố Cần Thơ mới; cùng ngày, Chính phủ ban hành Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

Trong bối cảnh mới, yêu cầu phải ban hành một Quy định thống nhất về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất thành dự án độc lập áp dụng trên toàn địa bàn thành phố Cần Thơ sau sắp xếp, nhằm:

Bảo đảm đồng bộ, minh bạch, dễ áp dụng cho cơ quan nhà nước và nhà đầu tư;

Thống nhất với các cơ chế phân cấp, phân quyền theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP;

Xử lý chuyển tiếp hợp lý với các quyết định đã ban hành ở các đơn vị tiền thân, tránh chồng chéo và rủi ro pháp lý.

- Mục đích ban hành:

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 59 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, đồng thời thiết lập khuôn khổ áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về điều kiện, tiêu chí quy mô, tỷ lệ diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý để tách thành dự án độc lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Các điều kiện để tách phần diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý thành dự án độc lập
- + Điều 4. Tiêu chí về quy mô và tỷ lệ diện tích đất được tách thành dự án độc lập
- + Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị
- + Điều 6. Tổ chức thực hiện
- + Điều 7. Hiệu lực thi hành.

48. Quyết định số 53/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Ngày 16 tháng 11 năm 2024, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 20/2024/TT-BTNMT về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, liên tịch ban hành (trong đó có Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai).

Theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *“Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 3. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công”*.

+ Cơ sở thực tiễn:

Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo đó, các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý đất đai sử dụng vốn ngân sách đều sử dụng Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT để thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm.

Ngày 16 tháng 11 năm 2024, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 20/2024/TT-BTNMT về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, liên tịch ban hành, trong đó có Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ quy định tại Điều 37 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *“Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 3. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công”*.

Quyết định ban hành quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trước đây các địa phương trước sáp nhập chỉ mới dừng ở bước dự thảo, lấy ý kiến, chưa ban hành do quá trình xây dựng chưa xong đã thực hiện sáp nhập; nay căn cứ các quy định trên, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (mới) ban hành Quyết định ban hành quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ ***là cần thiết và đúng thẩm quyền***.

- Mục đích ban hành:

Việc xây dựng Quyết định ban hành quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ

công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan trong việc chỉ đạo thực hiện, áp dụng trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật, tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, đảm bảo chất lượng sản phẩm đúng quy định pháp luật về đất đai.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 53/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Điều 2. Hiệu lực thi hành

+ Điều 3. Tổ chức thực hiện.

49. Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026 – 2030

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý:

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) đã khẳng định Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân Việt Nam. Để đột phá phát triển kinh tế biển, Nghị quyết số 36-NQ/TW đã đề ra việc hoàn thiện thể chế phát triển bền vững kinh tế biển, ưu tiên hoàn thiện hành lang pháp lý, đổi mới, phát triển mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh quốc tế của các ngành kinh tế biển, các vùng biển, ven biển; hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và thống nhất về biển. Một trong những hành lang pháp lý là việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển nhằm để quản lý và sử dụng tài nguyên biển có hiệu quả, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và bù đắp chi phí đầu tư, bảo trì các

công trình công cộng trên biển. Số tiền thu được dùng để bảo vệ, khai thác hợp lý nguồn lợi, xây dựng các công trình thiết yếu, phát triển kinh tế biển, đồng thời thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường biển và phát triển bền vững.

Từ các chủ trương, định hướng của Đảng cho thấy, việc thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về chiến lược phát triển kinh tế biển là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách hàng đầu của hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện các chủ trương, định hướng nêu trên của Đảng, đòi hỏi phải khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung, cụ thể hoá các quy định có liên quan của Nghị định trong chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển; trong đó đặc biệt là các quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển phù hợp với thực tiễn.

Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 34 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP “*Căn cứ khung giá tiền sử dụng khu vực biển quy định tại khoản 1 Điều 34 và điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành 05 năm một lần mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*” và căn cứ vào Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển chỉ áp dụng cho giai đoạn 2021-2025.

Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu xây dựng Quyết định quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026-2030 đảm bảo đúng trình tự hồ sơ thủ tục theo quy định, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương đã thực hiện thu tiền sử dụng khu vực biển giai đoạn 2021-2025 cũng như nghiên cứu vận dụng mức thu tiền sử dụng khu vực biển của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ làm cơ sở xây dựng mức thu tiền sử dụng khu vực biển giai đoạn 2026-2030. Ngoài ra, tiếp thu ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban mặt trận Tổ Quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ là cơ quan thay mặt nhân dân giám sát và phản biện xã hội, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh bổ sung, nhằm kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật theo quy định số 178-QĐ/TW đã được Bộ Chính trị ban hành ngày 27/6/2024.

+ Cơ sở thực tiễn:

Thành phố Cần Thơ là thành phố ven biển, có bờ biển dài khoảng 72 km, diện tích khoảng 1.291 km² (vùng đất ven biển 585 km², vùng biển ven bờ 800 km²). Vùng bờ có 06 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: phường Vĩnh Châu, phường Vĩnh Phước, xã Trần Đề, xã Vĩnh Hải, xã Lai Hoà và xã Cù Lao Dung; bãi biển của thành phố thuộc loại bãi ngang, do phù sa từ thượng nguồn sông Cửu Long tích tụ hàng năm vươn ra biển tạo nên vùng đất bãi bồi với diện tích trên 52.000ha.

Vùng biển ven bờ của thành phố có nhiều tiềm năng trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên biển như: phát triển năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái biển, khu kinh tế Trần Đề gắn với kinh tế biển và cảng biển nước sâu Trần Đề. Thực hiện Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ) đã giao 03 khu vực biển thực hiện Nhà máy điện gió với tổng diện tích 104.9 ha, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã giao 05 khu vực biển, bao gồm: thực hiện Nhà máy điện gió (44,89ha); xây dựng và vận hành công trình điện trên biển (cấp điện từ lưới điện quốc gia cho huyện Côn Đảo 1576,05 ha (vùng biển Sóc Trăng 87 ha); giao 03 khu vực biển để khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát biển) (261,13ha).

Thực hiện Nghị định số 11/2021/NĐ-CP quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016, việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026-2030 thay thế Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND là cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất và phù hợp với thực tiễn.

- Mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026-2030 nhằm cụ thể hóa các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng khu vực biển; tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương từ hoạt động sử dụng khu vực biển; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế biển bền vững và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong giai đoạn 2026-2030.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026 - 2030, gồm 05 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện
- + Điều 5. Điều khoản thi hành.

50. Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{đc}) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện (Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH).

“1. Trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành định mức lao động mới cho phù hợp, làm cơ sở cho việc xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công.

b) Quy định, hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công đối với từng sản phẩm, dịch vụ công cụ thể.

c) Tiếp nhận báo cáo của đơn vị thực hiện sản phẩm, dịch vụ công, đánh giá tình hình thực hiện chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công đã ký hợp đồng thầu hoặc đặt hàng, giao nhiệm vụ năm trước liền kề và tổng hợp báo cáo theo Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 31 tháng 3 hàng năm”.

Căn cứ Điều 3 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH về căn cứ xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công:

“1. Chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định căn cứ vào định mức lao động (thuộc định mức kinh tế kỹ thuật, định mức nhân công, định mức chi phí) do Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, tiền lương và chi phí khác của lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ, lao động quản lý doanh nghiệp tham gia thực hiện sản phẩm, dịch vụ công.

2. Tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ xác định trên cơ sở hệ số lương cấp bậc, hệ số phụ cấp lương của lao động thực hiện sản phẩm, dịch vụ công nhân với mức lương cơ sở do Chính phủ quy định và hệ số điều chỉnh tăng thêm theo từng vùng.

3. Tiền lương của lao động quản lý doanh nghiệp (gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty; Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban kiểm soát; Kiểm soát viên; Tổng giám đốc hoặc Giám đốc; Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc; Kế toán trưởng) được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản theo hạng tổng công ty và công ty.

4. Chi phí khác tính trong chi phí tiền lương, chi phí nhân công gồm: chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn thuộc trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động được xác định theo quy định của pháp luật; chi phí ăn ca và chế độ khác của từng loại lao động (nếu có) theo quy định pháp luật”.

Vì vậy để có thể hướng dẫn xác định tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phải có hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội “*H_{đc}*: là hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không vượt quá hệ số 1,2 đối với địa bàn thuộc vùng I; không quá hệ số 0,9 đối với địa bàn thuộc vùng II; không quá hệ số 0,7 đối với địa bàn thuộc vùng III và không quá hệ số 0,5 đối với địa bàn thuộc vùng IV. Địa bàn thuộc vùng I, II, III, IV được thực hiện theo địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ”.

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH, xác định tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ: *Tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ tính trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định theo công thức sau:*

$$V_{ld} = \sum_{i=1}^n (T_{ldi} \times \frac{ML_{thi}}{26})$$

ML_{thi} : là mức lương theo tháng của chức danh, công việc thứ i trong từng loại lao động tính trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công, được xác định theo công thức sau:

$$ML_{thi} = (H_{cbi} + H_{pci}) \times ML_{cs} \times (1 + H_{dc})$$

Trong đó:

H_{dc} : là hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương do các **Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định** nhưng không vượt quá hệ số 1,2 đối với địa bàn thuộc vùng I; không quá hệ số 0,9 đối với địa bàn thuộc vùng II; không quá hệ số 0,7 đối với địa bàn thuộc vùng III và không quá hệ số 0,5 đối với địa bàn thuộc vùng IV. Địa bàn thuộc vùng I, II, III, IV được thực hiện theo địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

Tuy nhiên hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố chưa có quy định về hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ sau hợp nhất.

Để có cơ sở hướng dẫn cụ thể xác định tiền lương trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố; thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 3, Khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, việc xây dựng Quyết định quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và phù hợp.

- Mục đích ban hành:

Hoàn thiện văn bản pháp lý phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Tạo công cụ pháp lý để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại *Phụ lục II Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện đặt hàng hoặc đấu thầu và một số danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đặt hàng hoặc đấu thầu quy định tại Biểu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ* quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên do doanh nghiệp

thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ, và Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$)
- + Điều 4. Hiệu lực thi hành
- + Điều 5. Tổ chức thực hiện.

51. Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

+ Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Ủy ban nhân dân ba tỉnh, thành phố trước sáp nhập đã ban hành 04 Quyết định gồm: Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ; Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Ngày 14 tháng 6 năm 2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg Quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thế Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg. Nội dung Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định:

Tại điểm d khoản 3 Điều 4, quy định:

“đ) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm d, điểm e khoản này;”

Tại điểm b điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6, quy định:

“2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

...b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền

quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này

c) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này. Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này rà soát để thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

...b) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.”

Tại khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025 quy định:

“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật để tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quản trị đơn vị và cung ứng dịch vụ công, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.”

Đề phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội và phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền 02

cấp; việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ theo trình tự, thủ tục rút gọn là rất cần thiết và đúng theo quy định của pháp luật.

- Mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố hiện nay khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; làm căn cứ để: lập kế hoạch, bố trí, xây dựng, sửa chữa diện tích chuyên dùng, công trình sự nghiệp.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
- + Điều 3. Trách nhiệm thực hiện
- + Điều 4. Hiệu lực thi hành
- + Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp
- + Điều 6. Trách nhiệm thi hành.

52. Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật

số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) đã ban hành Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ. Khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng trong đó chọn Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 tiếp tục áp dụng.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thay thế Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017. Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

Tại điểm d khoản 2 Điều 7 quy định như sau:

“đ) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức của địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.”

Tại điểm d khoản 2 Điều 11 quy định như sau:

“đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với đơn vị của địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm d, điểm e khoản này;”

Tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 quy định như sau:

“2. Diện tích công trình sự nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này

a) Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

c) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này. Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này rà soát để ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Diện tích công trình sự nghiệp khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều này

Căn cứ quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động đặc thù của đơn vị và các quy định khác có liên quan, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp khác của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này.”

Tại khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025 quy định:

“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác

thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật để tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quản trị đơn vị và cung ứng dịch vụ công, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.”

Đề phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội và phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp; việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ theo trình tự, thủ tục rút gọn là rất cần thiết và đúng theo quy định của pháp luật.

- Mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố hiện nay khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; làm căn cứ để: lập kế hoạch, bố trí, xây dựng, sửa chữa diện tích chuyên dùng, công trình sự nghiệp.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng
- + Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp
- + Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp
- + Điều 5. Hiệu lực thi hành
- + Điều 6. Trách nhiệm thi hành.

53. Quyết định số 58/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quy trình luân chuyển

hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 6 Điều 48 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ giao Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại các Nghị định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, về giá đất và quy định về trình tự, thủ tục tính, thu, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này để xây dựng và ban hành Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai phù hợp với thực tế của địa phương.

+ Cơ sở thực tiễn

Thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 48 Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 quy định về một số nội dung liên quan việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV họp và thống nhất ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 với nội dung: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ. Sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 6.360,83km², quy mô dân số là 4.199.824 người”.

Tại khoản 20 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định: “20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54 như sau: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban

nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

Do đó, nhằm quy định chi tiết, đầy đủ các điều, khoản mà Luật Đất đai đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để áp dụng chung cho thành phố Cần Thơ sau sáp nhập, đảm bảo công tác luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai được chặt chẽ, thống nhất và kịp thời trong toàn thành phố Cần Thơ sau sáp nhập, việc ban hành “Quyết định quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ” là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Cụ thể hóa quy định tại khoản 6 Điều 48 Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ giao Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại các Nghị định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, về giá đất và quy định về trình tự, thủ tục tính, thu, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này để xây dựng và ban hành Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai phù hợp với thực tế của địa phương.

Để đảm công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn trên bàn thành phố Cần Thơ trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai và xác định nghĩa vụ chính về đất đai cho người sử dụng đất.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 58/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Điều 2. Hiệu lực thi hành

+ Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

54. Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024)

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Công văn số 640/UBND-KT ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thống nhất việc tiếp tục áp dụng 03 Bảng giá các loại đất đã được ban hành tại từng địa phương trước khi sáp nhập, thời điểm áp dụng: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Công văn số 1877/UBND-KT ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phân công xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

+ Cơ sở thực tiễn

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 111 và khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ quy định tại Điều 17 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất.

Căn cứ quy định tại tiêu mục II, phần IV, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai và quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó...”.

Qua tổng hợp rà soát tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của các công trình, dự án trong điểm đã và đang triển khai trình tự, thủ tục thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thành phố sau sáp nhập thì có rất nhiều khu tái định cư đã bảo đảm các điều kiện theo khoản 2 Điều 110 Luật Đất đai để bố trí tái định cư theo quy định nhưng chưa được ban hành bảng giá đất. Do đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường rà soát và tổng hợp đề xuất UBND thành phố ban hành bổ sung bảng giá đất các khu tái định cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ (sau sáp nhập) theo quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024.

Bên cạnh đó, việc bổ sung giá đất các khu tái định cư làm cơ sở để đảm bảo nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Luật Đất đai năm 2024: “6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư để bảo đảm chủ động trong việc bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi. Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc bố trí tái định cư phải được hoàn thành trước khi có quyết định thu hồi đất.”

Ngày 20/10/2025, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ ban hành Công văn số 1877/UBND-KT phân công Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Hậu Giang (cũ), qua rà soát không còn nhu cầu tái định cư đến cuối năm 2025, nên không thực hiện sửa đổi, bổ sung theo Tờ trình này, mà bổ sung các khu tái định cư vào bảng giá đất có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) là có đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý theo quy định.

- Mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) nhằm giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra liên quan đến việc bố trí tái định cư khi Nhà nước thu

hồi đất theo quy định và được Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất tại Công văn số 1877/UBND-KT ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc phân công xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố, thời gian trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong Quý IV năm 2025.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024), gồm 03 điều:

+ Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục III.2, III.3, III.4 ban hành kèm Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và nội dung tại Phụ lục I.2 ban hành kèm Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024).

+ Điều 2. Điều khoản thi hành

+ Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

55. Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

Căn cứ Kết luận số 119-KL/TW ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 127/2000/QĐ-BNN-KL ngày 11 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về cấp dự báo, báo động và biện pháp tổ chức thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ về việc ban hành Danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;

+ Cơ sở thực tiễn

Thành phố Cần Thơ có tổng diện tích đất có rừng là 13.943,67 ha, bao gồm: *Rừng phòng hộ 6.806,46 ha; rừng đặc dụng: 1.753,35 ha; rừng sản xuất: 5.383,86 ha*). Diện tích rừng trên địa bàn thành phố có đủ 03 loại rừng, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học, là môi trường sống lý tưởng cho nhiều loài chim, thú, thủy hải sản.

Thời gian qua, do sự tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến tình trạng khô hạn ở các khu rừng do nắng nóng kéo dài. Do đó để đáp ứng nhu cầu cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng có thể xảy ra trên phạm vi thành phố và chưa tính đến các yếu tố khác của mỗi địa phương. Tại từng vùng sinh thái rừng, các yếu tố về

khí hậu, thời tiết, độ ẩm đất, vật liệu cháy... khác nhau, dẫn đến kết quả dự báo cháy rừng khác nhau, chưa phù hợp với kết quả dự báo cháy rừng trên diện rộng. Do đó, cần ban hành quy định cấp dự báo cháy và tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có rừng ban hành cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng*”. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành ***Quyết định ban hành Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ*** là rất cần thiết, nhằm chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, góp phần quan trọng vào mùa khô biết được từng cấp dự báo cháy rừng để có biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời, thông báo cho các đơn vị chủ rừng cũng như các địa phương có rừng không được chủ quan lơ là trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR).

- Mục đích ban hành:

Tạo sự thống nhất trong công tác dự báo, cảnh báo và công bố cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố.

Tránh tình trạng mỗi khu vực áp dụng tiêu chuẩn khác nhau, gây khó khăn trong công tác phối hợp quản lý.

Việc phân cấp cấp cháy rừng giúp cơ quan chuyên môn có cơ sở để tham mưu ban hành các quyết định quản lý, bố trí lực lượng, phương tiện để có biện pháp ứng phó kịp thời ở từng khu vực.

Xác định được cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng cho toàn thành phố với đầy đủ cơ sở khoa học và thực tiễn, nhất là các khu vực, địa phương có diện tích rừng.

Rà soát, điều tra, đánh giá được thực trạng công tác dự báo cháy rừng cũng như việc xác định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố. Đồng thời, giúp cho việc chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác PCCCR từ thành phố đến xã, phường có rừng và các đơn vị chủ rừng được thông suốt và đồng bộ.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Điều 2. Hiệu lực thi hành

+ Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

56. Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025), quy định “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Căn cứ khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018, quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào mật độ chăn nuôi của vùng quy định mật độ chăn nuôi của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.

Căn cứ khoản 4 Điều 22 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, quy định: “4. Căn cứ chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi và môi trường sinh thái, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mật độ chăn nuôi của địa phương nhưng không vượt quá mật độ chăn nuôi vùng quy định tại khoản 3 Điều này”.

+ Cơ sở thực tiễn

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2021 quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030.

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ”; đồng thời căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025), quy định: *“Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”* thì các Quyết định nêu trên đang có hiệu lực thì hành.

Tuy nhiên sau sắp xếp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 thì thành phố Cần Thơ (mới) có diện tích và quy mô dân số thay đổi nhiều, tình hình kinh tế xã hội cũng có nhiều thay đổi, việc áp dụng các Quyết định do chính quyền địa phương cũ ban hành đã không còn phù hợp với tình hình mới, dự báo sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; khó khăn trong công tác phối hợp tham mưu giữa các cơ quan, đơn vị, cũng như ảnh hưởng đến hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như đời sống của người dân.

Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Quốc Hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, quy định: *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”*.

Do đó, thành phố Cần Thơ cần sớm ban hành Quyết định mới thay thế các Quyết định nêu trên để thống nhất quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030, đảm bảo phát triển chăn nuôi bền vững gắn với môi trường sinh thái, hạn chế lây lan dịch bệnh, tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi.

Với căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành “Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030” là thật sự cần thiết đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi và bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới sau khi sáp nhập.

- Mục đích ban hành:

Ban hành Quyết định Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030 nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Chăn nuôi năm 2018 và Nghị định số 13/2020/NĐ-CP là giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết

định mật độ chăn nuôi của địa phương nhưng không vượt quá mật độ chăn nuôi vùng quy định.

Hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ áp dụng trong thực tế hoạt động chăn nuôi tại địa phương góp phần phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn, bền vững gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030, gồm 05 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030
- + Điều 3. Tổ chức thực hiện
- + Điều 4. Hiệu lực thi hành
- + Điều 5. Trách nhiệm thi hành.

57. Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định:

“Điều 4. Ban hành Quy chế

Căn cứ quy định tại Điều 5 Thông tư này, UBND cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác”.

Thực hiện Công văn số 267/UBND-KT ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ V/v tiếp tục quan tâm chỉ đạo hoạt động tín dụng chính sách xã hội sau khi chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động. Theo đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Tài chính tham mưu ban hành quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng chính sách xã hội cho vay...

+ Cơ sở thực tiễn

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: *“19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”*.

Về Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng chính sách xã hội hiện nay trên địa bàn thành phố Cần Thơ (cũ) thực hiện theo Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH thành phố Cần Thơ để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ; tỉnh Hậu Giang (cũ) theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh; tỉnh Sóc Trăng (cũ) theo Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ) về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa

phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Như vậy, thực tiễn sau sáp nhập thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng thành thành phố Cần Thơ (mới). Để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp, các đối tượng chính sách tiếp cận nguồn vốn được địa phương ủy thác thì việc xây dựng Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Sau sắp xếp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 thì thành phố Cần Thơ (mới) có diện tích và quy mô dân số thay đổi nhiều, tình hình kinh tế xã hội cũng có nhiều thay đổi, việc áp dụng các quyết định do chính quyền địa phương cũ ban hành đã không còn phù hợp với tình hình mới.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Điều 2. Hiệu lực thi hành

+ Điều 3. Tổ chức thực hiện.

58. Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Công văn số 470/UBND-KT ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân công xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 2549/VPUB-KT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao Sở Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố và các đơn vị có liên quan áp dụng đơn giá bồi thường thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất; Khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Cơ sở thực tiễn

Sở Xây dựng đã tổ chức kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực xây dựng do các cơ quan có thẩm quyền thuộc thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng (trước khi sáp nhập) ban hành, trong đó có đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Mục đích ban hành:

Qua kiểm tra, rà soát, hiện tại trên địa bàn thành phố Cần Thơ sau sáp nhập đang áp dụng 03 bộ đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất theo các Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Phụ lục I - Đơn giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc; Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng *(cả 03 Quyết định này được xây dựng và ban hành theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)*. Do đó, cần thiết phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới để áp dụng chung cho toàn địa bàn thành phố Cần Thơ sau sáp nhập và thay thế các văn bản quy phạm pháp luật cũ do Ủy ban nhân dân 03 tỉnh, thành phố đã ban hành.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ

+ Điều 2. Hiệu lực thi hành

+ Điều 3. Quy định chuyên tiếp

+ Điều 4. Trách nhiệm thi hành.

59. Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định định mức số lượng học sinh/lớp đối với những trường hợp đặc biệt trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập, quy định: *“Đối với những trường hợp đặc biệt mà phải bố trí số lượng học sinh/lớp thấp hơn hoặc cao hơn so với mức bình quân theo vùng quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức số lượng học sinh/lớp phù hợp với thực tế”*.

+ Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, thành phố Cần Thơ đang áp dụng Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định định mức số lượng học sinh/lớp từ năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (trên phạm vi tỉnh Hậu Giang). Kết quả thực hiện như sau:

Kết quả tuyển sinh các lớp đầu cấp theo quy định số lượng học sinh/lớp theo vùng của Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT: Lớp 1 tuyển sinh 11.434 học sinh, 410 lớp, tương đương 28 học sinh/lớp; lớp 6 tuyển sinh 13.323 học sinh, 323 lớp, 41,25 học sinh/lớp; lớp 10 tuyển sinh 7.463 học sinh, 175 lớp, 42,65 học sinh/lớp.

Bình quân học sinh/lớp các cơ sở giáo dục phổ thông công lập: cấp tiểu học 59.769 học sinh, 2.050 lớp, tương đương 29 học sinh/lớp; cấp trung học cơ sở 48.327 học sinh, 1.195 lớp, 40,44 học sinh/lớp; cấp trung học phổ thông 20.958 học sinh, 515 lớp, 40,70 học sinh/lớp.

Thực tiễn sau sáp nhập thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng thành thành phố Cần Thơ (mới). Toàn thành phố có 814 trường phổ thông công lập, chia ra: tiểu học có 483 trường, trung học cơ sở có 240 trường, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có 91 trường. Các đơn vị trực thuộc trên địa bàn Cần Thơ cũ có 1022 lớp với 40.988 học sinh, bình quân 40,11 học sinh/lớp; Hậu Giang cũ có 697 lớp với 28.767 học sinh, bình quân 41,27 học sinh/lớp; Sóc Trăng cũ có 1175 lớp với 47.800 học sinh, bình quân 40,58 học sinh/lớp.

Theo quy định về tiêu chuẩn diện tích tối thiểu đối với phòng học của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; diện tích tối thiểu đối với trường tiểu học: 1,35m²/học sinh; 1,50m²/học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa (tổng diện tích không nhỏ hơn 40m²/phòng); diện tích tối thiểu đối với trường trung học cơ sở và trung học phổ thông: 1,50m²/học sinh, tổng diện tích phòng học không nhỏ hơn 45m²/phòng.

Qua rà soát diện tích phòng học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn thành phố, diện tích bình quân phòng học tại các đơn vị là từ 48 đến 60m²/phòng, cá biệt có một số phòng dưới 45m² do đa số các trường đã được xây dựng trước đây hoặc tận dụng các phòng học cũ xây cho cấp tiểu học (chi tiết tại thống kê đính kèm). Do đó, nếu thực hiện việc bố trí 45 học sinh/lớp theo quy định của khoản 2 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT sẽ dẫn đến việc không đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT hoặc nghiêm trọng hơn là không đủ chỗ bố trí cho học sinh tham gia học tập. Ngoài ra, việc bố trí học sinh theo quy định trên vào thực tế cơ sở vật chất hiện tại sẽ dẫn đến tình trạng các đơn vị không đảm bảo điều kiện quy định về cơ sở vật chất tối thiểu để công nhận chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn.

Đồng thời, việc bố trí số lượng học sinh theo cách tính bình quân 45 học sinh/lớp đối với cấp trung học phổ thông là chưa đảm bảo quy định về việc lựa chọn tổ hợp môn học đối với học sinh (theo quy định về Chương trình giáo dục phổ thông, học sinh được lựa chọn môn học theo tổ hợp).

Ngoài ra, việc tuyển sinh còn phụ thuộc vào số lượng học sinh trên địa bàn. Đối với những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển, số học sinh sẽ nhiều, nhu cầu tuyển sinh cao và ngược lại, những địa bàn điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thì số học sinh ít, nhu cầu tuyển sinh thấp. Do đó,

việc bố trí số lượng học sinh/lớp ở cơ sở giáo dục ở từng xã, phường không như nhau.

Trước đây, việc bố trí số lượng học sinh/lớp tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn thành phố thường dao động ở mức bình quân từ 35 đến 42 học sinh/lớp (không quá 45 học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường trung học) tùy vào điều kiện cơ sở vật chất, số lượng học sinh và nhu cầu đăng ký tổ hợp của học sinh tại đơn vị. Căn cứ vào số lớp, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ phối hợp Sở Nội vụ thẩm định, đề xuất giao số lượng người làm việc theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 07 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (hiện tại được thay thế bằng Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT). Tuy nhiên, chưa có văn bản quy định việc bố trí này.

Để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp thì việc xây dựng Quyết định quy định định mức số lượng học sinh/lớp đối với những trường hợp đặc biệt trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Triển khai thực hiện quy định tại khoản 4, Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT.

Quy định định mức số lượng học sinh/lớp phù hợp với tình hình thực tiễn tại các địa phương trên địa bàn thành phố.

Là cơ sở để tính định mức giáo viên và số lượng người làm việc cho các cơ sở giáo dục phổ thông.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định định mức số lượng học sinh/lớp đối với những trường hợp đặc biệt trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- + Điều 2. Định mức số lượng học sinh/lớp đối với những trường hợp đặc biệt
- + Điều 3. Hiệu lực thi hành
- + Điều 4. Tổ chức thực hiện.

60. Quyết định số 65/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Nghị định số 314/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Công văn số 122/UBND-TH ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phân công chủ trì soạn thảo Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

+ Cơ sở thực tiễn

Tại khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ. Sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 6.360,83 km², quy mô dân số là 4.199.824 người. Thành phố Cần Thơ giáp các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Vĩnh Long và Biển Đông”.

Đồng thời, tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025, quy định: “Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp

tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

Do vậy, sau khi sắp xếp, nhằm đảm bảo hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ được liên tục, thống nhất, không bị gián đoạn và có sự phối hợp, kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2025; trong đó quyết định áp dụng Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 cho đến khi ban hành Quy chế làm việc mới. Như vậy, hiện nay công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đang thực hiện theo Quy chế làm việc ban hành tại Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023.

Tuy nhiên, cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 đã hết hiệu lực thi hành, được thay thế bởi quy định mới. Bên cạnh đó, đơn vị hành chính cấp tỉnh của thành phố Cần Thơ sau sắp xếp theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội đã thay đổi, dẫn đến phát sinh khó khăn, vướng mắc như sau:

Về mặt pháp lý: Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thực hiện theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023, trong khi các cơ sở pháp lý đã thay đổi, ban hành mới (Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025, Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Chính phủ đã ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Nghị định số 314/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025), trường hợp không kịp thời ban hành Quy chế làm việc mới dự báo sẽ phát sinh vướng mắc trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến sự phù hợp giữa Quy chế làm việc với các quy định pháp luật hiện hành.

Về mặt thực tiễn: Sau sắp xếp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội, thành phố Cần Thơ có diện tích và quy mô dân số thay đổi lớn; việc tiếp tục áp dụng Quy chế làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 đã không còn phù hợp với tình hình, dự báo sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân thành phố; khó khăn trong công tác phối hợp tham mưu giữa các sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, cũng như ảnh hưởng đến hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã; việc phân định rõ trách nhiệm pháp lý của các quyết định thuộc thẩm quyền chung, thẩm quyền riêng của Ủy ban nhân dân thành phố...

Từ căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (thay thế Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023) là cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

- Mục đích ban hành:

Cụ thể hóa các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố thành quy phạm pháp luật về nguyên tắc, trách nhiệm, phạm vi làm việc, cách thức, trình tự giải quyết công việc, quan hệ công tác, chương trình công tác, quy trình xử lý công việc và chế độ thông tin, báo cáo để tổ chức thực hiện nghiêm trên địa bàn thành phố, thông qua đó xây dựng tập thể Ủy ban nhân dân thành phố đoàn kết, đồng thuận và thống nhất cao;

Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và phạm vi giải quyết công việc của tập thể Ủy ban nhân dân thành phố; quy định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố; phân công, phân cấp rõ ràng trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị trong giải quyết công việc, nâng cao hiệu quả phối hợp và ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề cao trách nhiệm cá nhân, tránh tình trạng đùn đẩy, né tránh trong thực thi công vụ;

Chuẩn hóa quy trình và phương thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân thành phố thông qua quy định, quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; trình tự, thủ tục xem xét, giải quyết công việc, xử lý các đề án, báo cáo, tờ trình; chế độ hội họp, thảo luận và thông qua quyết định; cũng như quy trình đi công tác, tiếp công dân, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo ...

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 65/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

+ Điều 2. Hiệu lực thi hành

+ Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

61. Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”; với nhiệm vụ và giải pháp hoàn thiện cơ chế xác định giá đất: “...Có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất. Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất. Có cơ chế hữu hiệu để nâng cao chất lượng công tác định giá đất, bảo đảm tính độc lập của hội đồng thẩm định giá đất, năng lực của tổ chức tư vấn xác định giá đất, năng lực và đạo đức của các định giá viên. Bổ sung, hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch như: Công khai giá đất, bắt buộc giao dịch qua các sàn giao dịch, thanh toán qua ngân hàng, không dùng tiền mặt; xử lý nghiêm các vi phạm...”

Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết 1668/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025. Theo đó, cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn cấp xã, cấp tỉnh có nhiều thay đổi so với trước đây nên việc xây dựng và ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới là cần thiết.

Ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 60-NQ/TW về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết 1668/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025. Theo đó, địa bàn thành phố Cần Thơ mới rất rộng, về cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa có nhiều thay đổi so với trước đây nên việc xây dựng và ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới là cần thiết.

Ngày 30 tháng 4 năm 2025, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, tại khoản 3 mục III quy định: “Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”.

Tại khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy

trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.

+ Cơ sở thực tiễn

Để thực hiện công tác bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi trong quá trình giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh trên địa bàn; Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang (trước sáp nhập) đã ban hành 03 quyết định, cụ thể:

Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cần Thơ.

Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025, kể từ ngày 01/7/2025, thành phố Cần Thơ mới đã được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị Cần Thơ (cũ), Sóc Trăng và Hậu Giang; nên việc áp dụng đồng thời cả 03 quyết định nêu trên không còn phù hợp.

Mặt khác, trong thời gian qua; khi áp dụng thực hiện quyết định số 34/2024/QĐ-UBND và số 47/2024/QĐ-UBND thì Sở Nông nghiệp và Môi trường cũng nhận được nhiều ý kiến phản ánh của các địa phương về việc hướng dẫn xác định tuổi cây, chu kỳ khai thác, Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 5474/BN-PC ngày 30/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị hướng dẫn một số nội dung bồi thường đối với giống cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều 103 Luật Đất đai năm 2024, *“Về cách xác định tuổi cây và chu kỳ thu hoạch, hiện nay, chưa có tài liệu nghiên cứu, hướng dẫn xác định tuổi cây và chu kỳ khai thác đối với từng loại cây lâu năm để thực hiện việc bồi thường như theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024”*. Riêng tại Hậu Giang, thực hiện Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND thì cũng ghi nhận

một số ý kiến phản ánh về đơn giá bồi thường còn thấp hơn so với địa bàn lân cận như Cần Thơ (cũ), Sóc Trăng.

- Mục đích ban hành

Đảm bảo tính thống nhất khi bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định hiện hành và thỏa đáng đối với lợi ích nhân dân.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 08 điều:

- + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- + Điều 3. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng
- + Điều 4. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi
- + Điều 5. Quy định một số trường hợp cụ thể đối với đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi
- + Điều 6. Quy định chuyển tiếp
- + Điều 7. Hiệu lực thi hành
- + Điều 8. Tổ chức thực hiện.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 12 năm 2025, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- HĐND thành phố (để báo cáo);
- UBND thành phố (để báo cáo);
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- Trang Thông tin điện tử PBGDPL thành phố;
- Lưu: VT, P.PBTDTHPL&QLXLVPHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đồng Việt Phương

